

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BỐT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN:
VIÊN LINH

NƯA PHỤT

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

NGUYỄN ĐỨC SƠN

TẶNG VẬT

đưa tay ngắt một cọng đèn
sao nghe lạnh lẽo vang rền từ lâu
còn đây đủ bát canh rau
xin mang về nấu đời sau tặng người

thơ

TRƯỚC THỀM NHÀ XƯA

qua đây nhớ cỏ lau mềm
phất phơ dáng cũ trước thềm nhà xưa
đất trời không gió không mưa
chỉ nghe hiu hắt âm thừa vào hồn



Phạm Việt Tuyên tuyên bố trước Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục
là cần phải duy trì kiểm duyệt sách.

— NÓI MÀ KHÔNG NHỚ ĐẾN EM HOÀNG HƯƠNG TRANG !

VÀ BÀI VỜ CỦA

đoãn quốc sỹ ■ thể uyên

đặng tấn tới ■ lê văn ngắn

nguyễn nhật duật ■ trần văn nam

72

thứ năm 24-9-70

KHỞI HÀNH

TRONG NHỮNG SỐ TỚI

Trong lá thư ngỏ gửi bạn đọc số trước, chúng tôi đã thông báo cùng qui bạn về một trong những khó khăn mà tờ báo đang gặp. Việc nhà in đòi tăng tiền ấn loát một đồng mỗi tờ.

Nhiều bạn đã sốt sắng khích lệ : phải tăng giá bán thì tăng. Thật ra, từ lâu rồi, nhiều bạn đề nghị tăng giá để thêm trang, nhưng chúng tôi thấy chưa thể làm được... Nay thì đó là việc bắt buộc, chỉ có sớm hay muộn. Xin loan báo trước để qui bạn rõ.

Liên tiếp trong một hai số tới, chúng tôi sẽ gửi tới qui bạn những số báo đặc biệt. Một số đặc biệt về những cây bút trẻ sung sức nhất hiện nay, một số khởi đầu cho loạt bài Thơ Văn Miền Nam Mười Lăm Năm.

Khởi Hành, cho đến nay, vẫn giữ và triệt để xúc tiến chủ trương lúc đầu và mở rộng chân trời cho những người viết trẻ. Không phải chỉ dành cho những chỗ ghế chấp, mà dành hẳn đất dụng võ. Không phải là nâng đỡ, mà là chào mừng. Chào mừng những sức sống mãnh liệt, chào mừng những người tới đây từ khắp mọi miền.

Một người nào đó sẽ hỏi : thế còn những cây bút Trong Quân Đội ? Chúng tôi trả lời : hầu hết những cây bút trẻ đang giờ trên KH, là Quân Đội. Quân Đội không có nghĩa chỉ là những quan to ở thủ đô. Quân Đội ở đây vô danh : những người lính mới rời các mái trường, những người lính vừa tốt nghiệp, những người lính trên hai mươi, xấp xỉ ba mươi, và chắc chắn chưa ai tới từ tuần đại kháng. Mới, phải nỗ lực sáng tạo, đó là chủ trương số một của KH, cho dù đôi lúc người viết hay người đọc có thể mệt mỏi. Muốn mới, phải nhìn lại quá khứ luôn luôn, phải nhận đương thực tại thường xuyên, phải soi sáng không ngừng con đường trên đó ta khai phá.

Số đặc biệt thứ nhất của KH là số đặc biệt những người viết trẻ tuổi. Một số báo chỉ đăng những sáng tác. Một số báo quý từ những cây bút khỏe mạnh, qua khứ không rụt rụt ngáy mai : những người đã từng một lần xuất hiện trên mặt báo này.

Số đặc biệt thứ hai, khởi sự loạt bài Mười Lăm Năm Thơ Văn Miền Nam. Đây không phải những biên khảo, phê bình, mà chỉ là những nhân định, đôi khi có thể là một cuộc phỏng vấn, nhằm trình bày càng bạn đọc những khuôn mặt nổi bật trong sinh hoạt Thơ Văn Miền Nam từ ngày chia cắt Đất Nước đến nay. Loạt bài này sẽ do các anh Lê Huy Oanh, Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Nhật Duật, Cao Huy Khanh, và Viên Linh thực hiện. Những khuôn mặt được đề cập trước hết là Đinh Nguyên Lộc, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu, Tây Hồng...

Số khởi sự sẽ là số 74. Δ



★ NGÀY ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM KỶ 2

Bản tổ chức Ngày Điện Ảnh Việt Nam kỷ 2 sẽ tổ chức những buổi chiếu phim Việt Nam miền phi tại các rạp hát ở Đô Thành, buổi sáng ngày 22-9 từ 8 giờ 30 tới 12 giờ.

Các phim được đem trình chiếu trong ngày nói trên gồm có :

- Chiều Kỳ Niệm chiếu tại rạp : Eden nhân về tại : rạp Hưng Đạo.
- Loan Mắt Nhung : Hưng Đạo : Eden
- Bụi Đời : Vĩnh Lợi : Khải Hoàn
- Đồ Chiều : Khải Hoàn : Hồng Bàng
- Bê Bàng : Hồng Bàng : Thanh Văn
- Tơ Tình : Thanh Văn : Văn Hoa
- Từ Saigon đến Điện Biên Phủ : Văn Hoa Saigon : Nam Quang
- 11 giờ 30 và Cô Gái Điện : Nam Quang : Đại Đồng Saigon
- Một Chuyến Đi và Trương : Đại Đồng Saigon : Tân Việt
- Chi Mỹ Nương
- Xin nhận Nơi Này Là Quê : Tân Việt : Cao Đồng Hưng
- Hương

DƯƠNG TRƯ LA



CHIẾU RA MẮT PHIM CHÂN TRỜI TÍM

Nhân ngày Điện Ảnh 22.9.70 kỷ II cuốn Phim và đại đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa « Chân Trời Tím » sẽ được trình chiếu buổi ra mắt tại rạp Rex Sài Gòn.

Phim « Chân trời Tím » là một sản phẩm hỗn hợp giữa hãng Liên Ảnh và Bộ Thông Tin thực hiện bằng màu 35 ly Scope dài 3 g30 phút chiếu do các nam nữ nghệ sĩ tên tuổi như Kép Hùng Cường, cô Kim Vui v... v... đóng. Phim do Công Ty Điện Ảnh sản xuất và đạo diễn Lê Hoàng Hoa thực hiện.

Sau cuốn phim này là phần hội thảo về điện ảnh với các đại diện do điện ảnh Thái Thúc Nha, cô Kim Cương, Ông Quốc Phong và một loạt thuyết trình.

Ngày ra, vào buổi tối cũng ngày, Ban tổ chức, ngày Điện Ảnh Việt Nam sẽ tổ chức một buổi tiếp tân tại rạp hàng Majestic.

QUẢNG NGÃI LẦN ĐẦU TIÊN NÓI CHUYỆN. DIỄN THUYẾT...

Quảng Ngãi một tỉnh địa đầu chiến tuyến, từ trước đến nay hầu như là một tên gọi của chiến tranh, đói khổ và điêu tàn. Vì thế sinh hoạt văn học nghệ thuật ít khi được nhắc nhở đến.

Trong những năm tháng gần đây, Quảng Ngãi đồng nhiên ngút ngát một sức sống mới — không kém phần tươi trẻ sau những cố gắng của những người làm tại xứ này, những nhà thơ nhà văn từ các phương xa do hoàn cảnh đẩy đưa đã tập hợp đồng đạo. Và đây là một trong những yếu tố tạo phần nào cho sức sống đó. Nhất là từ ngày tạp chí Tricolor xuất hiện Quảng Ngãi đã được nhắc nhở một cách rất cần cần trọng sinh hoạt văn học nghệ thuật các miền. Từ ngày anh Phan Như Thức bạn trẻ từ TM lại tạm im hơi 1 thời gian.

Nhưng vừa rồi tin sinh hoạt giới về cho biết một chương trình sinh hoạt văn học nghệ thuật đang được tổ chức một cách q 1 m. Chương trình bắt đầu từ ngày 19 tháng 9 năm 1970 tới các đề tài và những diễn giả sau đây :

- Pháp luật trong vai trò cải tạo xã hội, diễn giả : Lê Thế Hiền (Chánh Án TST/QNG).
- Từ Hải : Anh hùng, cô đơn và tự sát, dg : Ông Nguyễn Liệu (giáo sư)
- Chiến đấu tinh trọng thi ca của lớp người trẻ, dg : Hà Nguyên Thạch (nhà thơ)
- Trần Tế Xương : con người nổi loạn và xã hội chúng ta, dg : Phan Như Thức
- Tính chất trữ tình trong thi ca kháng chiến dg : Đào Đức Nhuận.
- Và một số đề tài thuộc phạm vi văn học nghệ thuật, sẽ được : nhà văn Vương Thanh, Phạm Đình Hiệu, Dương Hoàng Sa, Vũ Uy, Phan Tuấn...

Việt, Minh Đường, Khắc Minh. Lê Việt Nguyên: Trần Thuật Ngủ, Trần Cao Bằng, Lê Văn Trung, Hoàng Sơn Phụng, Huỳnh Châm... lần lượt trình bày.

Ngoài ra một số nhà văn, nhà thơ, họa sĩ ở các nơi về QNG để diễn thuyết theo lời mời của ban tổ chức người ta nghe nhắc đến : nhà văn Viên Linh, Cung Tích Biền, Huy Tường, Nghiêu Đề, Luân Hoán, Thành Tôn, G.S Trần Quang Thuận Nguyễn Nhật Duật.

Sinh hoạt này hoàn toàn thuần túy văn học nghệ thuật — nằm ngoài chính trị, tôn giáo... được tổ chức hàng tháng tại trường Nam Tiểu Học.

Hy vọng sinh hoạt trên sẽ là một sinh khí trong sinh hoạt văn học nghệ thuật tại Quảng Ngãi (T.T.N ghi.)

LÊ PHÁT GIẢI LUẬN VĂN TOÀN QUỐC

Giải Luận Văn Toàn quốc Tháng Bôm Trung Thu 70 do Tuần Báo Thăng Bôm tổ chức chiếu 15-6 tại trường Tiểu Học Phan Văn Trị Saigon. Dịp này Ông Mai Thọ Truyền đã nhắc nhở các thiếu nhi phải biết phân biệt lúc học ra học, lúc chơi ra chơi và tuổi nào đều có trách nhiệm của tuổi đó.

Ô. Mai Thọ Truyền cũng nhắc lời khen ngợi tuần báo Thăng Bôm là một tuần báo đứng đắn, ông cũng đã phân nan vì hiện nay sách báo thiếu nhi đã bị đầu độc, nam nhớ nhiều và rất cần một tờ báo lành mạnh.

Sau đó, Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền và quan khách đã lần lượt phát một số giải Luận văn trong số 19 giải gồm tám giải dành cho Học sinh Trung Học và 11 giải cho học sinh Tiểu Học.

Buổi lễ được kết thúc bằng một chương trình văn nghệ và phân phát đèn, bánh Trung Thu.

CHIM VIỆT VĂN ĐOÀN VÀ ÁN PHẠM VỪNG HỒNG

Tối 12 tháng 9 năm 1970 tại quán ĐaLa số 115 đường Đào Duy Từ, Chim Việt Văn Đoàn đã cho ra mắt ấn phẩm thứ 5 của đoàn. Đó là Tuyển Tập Thơ Vừng Hồng.

Vừng Hồng là Tuyển Tập Thơ qui tụ chừng Ba Mươi khuôn mặt của đoàn, đây gói 70 trang, trình bày mỹ thuật với phần nội dung rất phong phú đáng lưu ý. Đặc biệt, Vừng Hồng là Tuyển Tập Thơ chỉ dành để tặng và phổ biến theo lời chuyển tay.

Buổi họp mặt qui tụ một số đồng bạn bè trong cùng như ngoài đoàn. Ngoài người phụ trách mục này, chúng tôi còn thấy có Anh Viên Đình Nguyên Thanh Cầm (Người chủ trương chương trình Huyền Thoại Dân Tộc trên màn ảnh THVN). Anh Kiên Giang Hà Huy Hà, Anh Bảo Đăng, Anh Văn Thiên Từ (trong nhóm Lạc Việt) Anh Họa Sĩ Tuy Uyên, Chị Việt Quốc Hùng, Cô Ngọc Lan, Cô TT Uyên Mai, Cô Thanh Hương v.v...

TRIỂN LÃM TRANH PHẠM ĐÌNH KHƯƠNG

Họa sĩ Phạm đình Khương sẽ triển lãm tranh tại Trung tâm Văn Hóa Tỉnh Bình Định, 18 Nguyễn Huệ, Qui Nhơn, từ 18-9 đến 26-9-70.

Phòng triển lãm, trưng bày 40 bức tranh khổ lớn (từ 45x45 đến 100x140 phân) sẽ khai mạc vào sáng ngày 18-9 dưới sự chủ tọa của Đại Tá Nguyễn Mộng Hùng, Tỉnh Trưởng Bình Định.

Họa Sĩ Phạm Đình Khương, 24 tuổi người Bình Định tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế đã tham dự cuộc triển lãm hội họa và điêu khắc do Sinh viên Mỹ thuật Huế tổ chức.

CUÔNG NHÂN



GIÁC MỘNG ĐÊM TRĂNG

Đêm qua gió mát trăng thanh
Mãi nghe đàn hát, vô tình ngủ quên
Thấy mình lạc đến cõi tiên
Kìa ai thổi sáo, tựa liền gốc đa
Lựa lời thơm hổi làn la
Tê ra chú cuội nhà ta đây rồi !
Vội vàng năm nữ, t ôi
Xin người truyền thụ cho tôi phép mầu
Về trần nói dối dăm câu
Cho đời cảm phục mới cầu, a dua
Cuối rằng : «Ta vẫn còn thua
Mấy ông Rân Bèo là vua mới xằng
Các quan Nghị sĩ càng hăng»
Ba hoa xích lộ, lừng nhắng sự đời

Tuyên ngôn vung vãi khắp nơi
Mời nghe dậm dọa, cái vôi rứt ngay
Riêng phường tham nhũng gồm thay !
Quanh năm, suốt tháng, tối ngày vét vơ
Cảng bầu, rạn rốn sĩa bờ
Mặc ai chửi bới vẫn trơ mặt đầy
Mồm còn thon thớt khoe hay
Vì hăng chống Cộng nên gáy oàn, thù ?
Đôi phương lập kế phao vu
Ném bùn Lãnh tụ, dân ngu biết gì !
Khen thay ngụy biện tình vi
Tờ sư chủ Cuội khôn bì các anh
Thối đưng vẫn nạn loanh quanh
Hãy về đất Việt mà dành phần chia !
Nhờ hơi Bu vẫn ngồi kia
Cứ ăn, cứ hút, chờ hề nghĩ xa !
Gởi lời nhắn nhủ các Cha
Các ông giáo chức cùng là Tăng, Ni
Từ đây xin gắng tu trì !
Tụng kinh, giảng đạo, từ bi, dân lành !
Cải trò chính trị hồi tanh
Xin đừng những tội mà sinh, giặc hoai !
Đến đây, Cuội hết : «bai bai»
Giết mình thức giấc, canh hai vừa tàn
Mồ hôi nhỏ giọt chứng chan
Cứ y trong mộng ghi cần mấy câu
Đụng ai, xin chờ buồn nhau !!!



SÁCH BÁO MỚI

TÔI NHÌN TÔI TRÊN VÁCH.—
Tiểu thuyết của Táy Hồng, Đồng
Nại xb. Dầy 450 tr, giá 360 đ, bìa
của họa sĩ Duy Thanh.

Tác phẩm được coi là thành công
khởi đầu trong địa hạt tiểu thuyết đáng
báo của cây bút số một trong nữ giới
hiện nay. Xem bài đọc sách của KH
số này.

TUYÊN TRUYỀN SÁNG TẠO.—
Những truyện ngắn đầu tiên đăng trên
Tập chí Sáng Tạo của Duy Thanh,
Dương Nghiễm Mậu, Mai Trung Tĩnh,
Phạm Nguyễn Vũ, Song Linh, Thao
Trường, Thạch Chương, do nhà văn
Mai Thảo chọn và giới thiệu. Tân
Văn xb. giá 50 đ. 150 tr.

CON PHẪNG.— Tập truyện của
Nguyễn Thanh, tác giả xb. 140 tr giá
120 đ.

TÌNH KHÚC 30.— Thơ Nguyễn
Phú 70 tr. giá 120 đ.

PHÙ SINH.— Truyện dài của
Phạm Quốc Hùng. Khai Phóng xb.
158 tr, giá 160 đ.

Tác phẩm thứ ba của Phạm
Quốc Hùng

MƯA TRONG ĐỜI.— Thơ
Thanh Uyên Vũ. Ronéo.

ĐÌNH HƯƠNG.— Nguyệt san
Đại đội 202 CTCT. do Đ/U Phạm
Chon chủ trương. Ronéo. Trình bày
đẹp, với nhiều cây bút vững vàng.

KHAI PHÓNG.— Diễn đàn văn
hóa Giáo Dục Xã Hội : Cơ quan ngôn
luận của Phụ Huynh Học Sinh Khánh
Hòa. Dầy 150 trang in, bài vở
phong phú, nhiều cây bút tên tuổi.

SONG NGOẠI.— Truyện dài
của Quỳnh Dao, bản Việt văn của
Liêu Quốc Nhị, Hàn Thuyên xb. Sách
dầy 480 tr. giá 380 đ.

Quỳnh Dao là một nữ sĩ Đài
Loan nổi tiếng. Song Ngoại là tác phẩm
đưa cô lên đài danh vọng, đã tái bản
lên 12 lần và quay thành phim.

VŨNG HỒNG. Tuyển tập thơ
của Chim Việt văn đoàn. Ronéo.

ĐỒNG TÂM.— Nguyệt san của
TĐ 50 CTCT. Chủ nhiệm : Trung Tá
Vũ Văn An. Chủ Bút : Th/Tá : Lại
Thế Cường. TKTS : Th-u Huỳnh
Văn Lịch.

Tập báo trình bày công phu, in đẹp,
bài vở chọn lọc

Ông là một tay dương cầm cự
phách, người gốc Hung Gia Lợi và
có khiếu nhạc từ lúc còn nhỏ. Lúc
hai tuổi, Szell đã là một thần đồng,
thuộc tới 40 bài ca bằng 4 sinh ngữ
khác nhau. Khi lên 4, Szell đã đập
vào lưng mẹ khi bà đánh sai một nốt
trên dương cầm. Đi học, các bạn bè
cùng lớp đặt biệt hiệu cho Szell là
Mozart tái sinh. Năm 17 tuổi, Szell
được Richard Strauss mời làm phụ tá
nhạc trưởng tại hi viện quốc gia
Bá Linh.

Năm 1930, Szell bắt đầu nổi
tiếng. Khi chiến tranh sắp bùng nổ
Szell rời Tiệp khắc qua Tô cách Lan.
Những năm sau ông gặp Toscanini
ở Mỹ và điều khiển nhiều dàn nhạc
danh tiếng tại Nữ Ước.

Đất tốt cò đầu, ông ở Mỹ hoài
cho tới chết. Để chấm dứt những
huyền thoại thời thơ ấu. <

ĐẶNG TRẦN HUÂN

NORMAN MAILER CHỐNG PHỤ NỮ

Nhà văn Hoa kỳ Norman Mailer
vừa rồi đã tới Venice (Ý) dự buổi
chiếu đầu tiên phim Maidstone, cuốn
phim do chính ông viết truyện và
điều khiển thực hiện. Maidstone mô
tả sinh hoạt tại các thanh lâu đời
sống chị em ta.

Giới phụ nữ đã lên tiếng
đã kích cuốn phim nói
trên, cho rằng cuốn phim trực lời
bằng cách khai thác phụ nữ.

Norman Mailer bèn phản ứng
lại. Ông nói :

— Người ta bảo rằng tôi khai
thác đàn bà ư ? Oan tôi quá. Làm
sao mà khai thác đàn bà được khi
mà đàn bà bao giờ cũng có đầy ma
lực. Còn sở dĩ tôi chống lại sự giải
phóng phụ nữ chính vì tôi kính
trọng họ đầy thôi.

CỔ NHÂN CÓ THỂ GẶP CỔ NHÂN

Có lẽ chưa ai quên câu chuyện
tình đẹp và sôi nổi giữa chàng phi
công không lực Hoàng Gia Peter
Townsend và công chúa nước Anh
Margaret cách đây 15 năm. Triều
đình Anh quốc cực lực phản đối
cuộc tình duyên ngang trái này vì
chàng là một người đã ly dị vợ.

Trước áp lực của triều đình
và Giáo Hội, Margaret phải từ bỏ
người yêu để giữ nguyên ngôi vị.
Thất tình Peter Townsend một mình
lái chiếc Land Rover lang thang đây
đó để quên người yêu.

Nhưng thời gian hàn gắn dần
dần. Peter Townsend lấy cô thư ký
riêng làm vợ bỏ xứ đến lập tổ uyên

ương ở ngoại ô Ba Lê và viết sách.
Cuốn Duel of Eagles (Đại bàng
tranh hùng) của ông đã lại những
cuộc không chiến trên trời Anh Cát
Lợi, vừa được phát hành.

Nhân dịp đưa con tinh thần ra
mặt, (không biết con vật chất thì
mấy nhóc rồi ?) Peter Townsend trở
về Luân Đôn để hậu thuẫn cho nó.
Sự hiện diện của Townsend ở thủ
đô Anh Cát Lợi không biết có lợi gì
cho cuốn sách không, chỉ biết chàng
bị phiền nhiễu nhiều vì các ký giả.

Họ bu quanh tác giả Đại bàng
tranh hùng để hỏi lại đi vãng, hỏi
han về mối tình của chàng và Mar
garet, mặc dầu Margaret đã lấy chồng
thợ ảnh và đã có con vật chất.
Phóng viên hỏi Townsend có bao giờ
gặp nàng không ? chàng đáp :

— Tôi không bao giờ gặp lại
Margaret cả. Tôi nghĩ rằng đã số đàn
ông cũng như tôi, không hề tìm gặp
lại người bạn gái cũ khi người ta đã
có gia đình.

Ký giả lại hỏi thêm :
— Nếu bây giờ tại Luân Đôn
này tình cờ ông lại gặp Margaret ông
sẽ xử trí ra sao ?

Peter Townsend nói :
— Thì tôi cũng đến đỡ tay lên
chào, như mọi người khác đều làm
vậy mà thôi.

Và chàng hỏi lại các ký giả :

— Ở vào trường hợp tôi thì các
ông sẽ làm gì ?

TAI NẠN CỦA TÁC GIẢ SÁCH GIÁO DỤC SINH LÝ

Bác sĩ William H. Masters và bà
Virginia Johnson cùng nhau chung
lưng viết nên cuốn sách mang tên
Human Sexual Inadequacy (Sự Bất
Lực Tình Dục Của Loài Người). Sách
bán rất chạy. Từ nhiều tháng nay
cuốn này vẫn đứng trong hàng ngũ
mười cuốn sách bán chạy nhất Hoa Kỳ. Có nhiên là hai tác giả

bận rộn nhiều trong chuyện thu tiền
để gửi vợ bằng.

Thế nhưng, có hên thì cũng có
rắc rối. Tháng rồi bác sĩ William
H. Masters bị vợ là Elizabeth đưa ra
tòa xin ly dị về tội bỏ phế gia đình
và cả thắng kiện,

Mặt khác cả bác sĩ Masters và
bà Johnson bị một bệnh nhân cũ đưa
ra tòa kiện đòi bồi thường 750.000
đô la về tội đã dụ dỗ vợ y hai lần
làm tình với những người đàn ông
khác để quan sát làm tài liệu viết
sách Sự Bất Lực Tình Dục của
Loài Người.

Theo lời tố cáo của người
chồng tạm gọi là xấu số này thì mỗi lần
vợ y làm tình để làm mẫu như thế
thì được trả công 500 và 250 đô la.

Thành ra nếu thắng kiện,
người chồng được bồi thường
750.000 đô la nữa, thì hai vợ
chồng kiếm chắc lời vài trăm triệu
bạc Việt Nam.

Có nhiều cách kiếm ra tiền như
thế, hèn gì mà nước Mỹ chả có
nhiều triệu phú.

NHẠC SĨ DẮT NHAU RA ĐI I

Tháng 8.70, nước Mỹ mất khá
nhiều nhạc sĩ.

Trước hết là nhạc trưởng Sir
John Barbirolli, 70 tuổi. Rồi cùng
ngày nhạc trưởng 69 tuổi Jonel
Perlea cũng từ trần ở Nữ Ước.

Nhưng cái tang lớn của giới
nhạc là cái chết của George Szell. Ông
chết tại Cleveland, vì 3 thứ bệnh dồn
đập tàn phá thân thể 73 tuổi đời của
ông : sốt, ung thư và đau tim.

Người ta nói rằng cũng như khi
Toscanini chết, cái chết của Szell một
thiệt thời chung cho nhạc giới.



NỮA PHÚT

SUỐT cả buổi chiều dạo trong phố quận nhỏ. Chàng ghé uống nước đá chanh ở quán cà phê (— phố quận nào bây giờ cũng đầy các quán cà phê văn nghệ ! —) và ăn chè đậu xanh trong tiệm phở (— thì cứ vào tiệm phở ngồi bừa, rồi gọi một ly chè của cô bán chè trước tiệm phở ! —) xong chàng lên xe đỏ về trại. Xe dừng ở đường lớn. Người tài xế nói ; Thiếu úy cho ba chục được rồi. Dân sự thì bốn chục. Chàng nói :

— Ông này bậy lắm. Bốn chục đó ! Người tài xế cười nhận tiền. Tự dưng chàng buồn để sự... Cuộc dạo chơi nào rồi cũng có lúc về. Năm nào cũng có mùa thu rồi mùa đông... Chàng ngậm ngùi đi men theo con đường nhỏ về trại. Lòng ta không chỉ có bốn mùa, mà có hàng bao nhiêu mùa của tuổi. Tại sao quen nói mùa xuân tuổi thơ ? Trong khi vẫn có mùa giá rét của tuổi thơ thiếu mẹ và mùa hoa nở của tuổi đã ra khỏi được đời hệ lụy sau những chục năm vui đau lẫn lộn ? «Bây giờ là mùa thu, trái rụng; Cuộc hành trình dài vào cõi lãng quên, những trái cây rụng xuống; tự vỡ thành những vết thương để ra khỏi chính mình...» Phải những tháng năm dọa dẫm cho D.H. Lawrence viết bốn câu thơ đó mở đầu bài thơ dài *Con tâu vào cõi chết*.

Sao không chịu đập vỡ mình thành vết thương để ra khỏi chính mình ? Cứ lo rứt những vết đau bệnh tưởng ! Cứ luôn sống mùa thu tàn tạ để nhớ mùa xuân qua, mong mùa xuân đến ? Trời vào thu nghe mưa mà thấy nhớ; người bao giờ về xóm cũ thăm em ?...

TA cứ nhớ về một xóm cũ nào đó trong đời. Bởi vì trong cuộc hành trình dài lâu và tới tận đưa ta vào cõi lãng quên, ta chỉ muốn có một nơi để nhớ. Dù thực ra xóm cũ cũng tối tăm như dặm sương ta sắp đi tới.

MỘT con chó lè lưỡi đi ngược lại phía chàng. Chàng dặm chân. Con chó cong đuôi chạy khuất. Những viên sỏi nằm cạnh đường, lì lợm như những công chức hơn mười năm tại một sở.

Gió bão bên kia sông không chắc làm hòn sỏi nào nhúc nhích. Chỉ có một bàn chân nào đá mạnh, họa ra...

Bước chân kẻ thù biết đâu không là một đánh thức ! Bom đạn không chỉ giết chết, còn đánh thức nữa.

Chàng vung chân giầy đá một cụm sỏi văng tứ tung. Những ngày đời quờ quạng, thức giấc nhưng bất lực từ nội thể, thì cũng tựa như kẻ bán thân bất toại tình ngủ từ nửa khuya về sáng... Tỉnh để thấy mình càng bất lực.

CHÀNG chỉ muốn làm sao đừng nghĩ chi cả về đời mình. Cứ sống bừa vào.

Đây là bữa cơm ngon, con cá chiên vàng, đĩa rau sống xanh tươi, bát canh bí đao nấu tôm, chén nước mắm có chanh ớt, tỏi, thêm một tí đường ngọt dịu. Ăn vừa thôi vừa húp. Ăn xong uống ly trà nóng, hút điếu thuốc, nằm chơi một tí, đây mặt đỏ đi diễm danh, chia gác... Giặc tới thì bắn,

không thì thôi. Giặc nào ? Một quá đừng có hỏi. Cứ nó không chịu đứng với mình thì bắn cha nó đi, hỏi hoài ! Thế sao anh em giành gia tài cũng đủ giết nhau chết được, mà đây giành đất sống lại cứ hỏi đi hỏi lại ! Chỉ có một chân lý phải đeo đuổi chỉ mạng, ấy là : sống, được sống trên mặt đất này, bầu vịu vào ánh mặt trời, hít thở hơi nước mặt biển, lẫn lộn với mặt đất... mặt, mặt và mặt... Được sống trên mặt, đừng phải vùi xuống cõi tối tăm hư vô... nào cả. Sống cho trọn một khoảng đường nổi lên giữa biển sâu đen trước khi sinh và biển sâu đen sau khi chết.

EMILY DICKINSON viết : tìm người đời hỏi trước hết là được vui sướng, rồi đến khỏi khổ... The heart asks pleasure first, And then, excuse fvaom pain... Đó là tiếng nói của đàn bà ! Đành thế. Nhưng chỉ có đàn bà đời hỏi vui sướng thôi sao ?

ĐÂY là người bạn gái. Buồn cười nếu chàng chỉ cứ nói với nàng chuyện triết lý, lý tưởng, tưởng tượng, tưởng hình, hình ảnh văn văn... Vớ vẩn ! Hãy yêu nàng. Đem cho nàng vui sướng, làm cho nàng khỏi khổ... Đúng rồi, đàn bà cũng như rượu, thuốc vẩn vẩn... Rượu phải nồng men, thuốc phải thơm chất thuốc. Đàn bà phải được ướp trong sung sướng...

Vậy mà chàng vẫn phải bỏ nàng mà đi... Mây có ngừng vì mùa thu này còn khỏi lửa ? Năm có dài ra vì năm này còn chiến tranh. Đời sống chàng có dài ra để bù những năm đi chinh chiến này ?... Chàng tìm tòi hỏi lâu trong trí nhớ để nhớ một câu của Nikos Kazantzaki đã được dịch : «Mi hãy im lặng đi, những kẻ chiến đấu không bao giờ hỏi gì cả».

Đi ra mặt trận tức là tên lính khốn khổ : «Có mười lăm quan, phải làm một cái gì để lấy được mười lăm quan đó ! Cũng tựa như trong một cuộc chiến tranh : đã đến lúc mọi người chỉ còn nghĩ đến hòa bình, hết còn muốn gì khác, nhưng không ai có cam đảm buông khí giới trước để nói rằng tôi chán ngấy lắm rồi... tôi không thích tiếp tục nữa ! Không thể như vậy được, còn mười lăm quan đâu đấy ! tuy chẳng ai cần đến mười lăm quan ấy làm

chó gì, thế nhưng chẳng ai chịu đi đến kết cục trước. Mười lăm quan đó chính là cái primal cause, nguyên cơ căn bản mọi sự ; và đáng lẽ ra nên theo tiếng gọi của riêng mình, nên ra khỏi cái vòng ám ảnh nghiệt ngã của cái nguyên cơ nọ, thì người ta lại cứ phải tiếp tục lụy vào hoàn cảnh, tiếp tục chém giết, tàn sát, và càng tự thấy yếu đi chừng nào càng cố sức biểu dương bộ tịch anh hùng ra hơn nữa, cho đến một ngày kia sự thật phơi bày ra, và chợt nhiên tất cả các họng súng đều im bật, các người y tá đi nhặt thương binh, đi khiêng các anh hùng đâm máu để về cái huy chương lên ngực họ. Lúc đó người ta dùng khoảng đời còn lại của mình để nghĩ ngợi đến mười lăm quan nguyên cơ căn bản nọ. Người ta không còn mắt, không còn tay, không còn chân, nhưng ai cũng còn niềm an ủi là mơ về mười lăm quan chưa bên nào lấy được...», Henry Miller xem những đoạn rất hay như vậy giữa vô số đoạn tục tĩu nhớp nhúa trong *Tropic of Cancer*.

TRONG cuộc hành trình đi tìm vui sướng, người ta chấp nhận vô số đau khổ. Dù vui sướng một thoáng thôi. Chàng cũng nghĩ tục rằng phải mất bao công sức để có được năm trăm bạc chơi diêm, mà giây phút sướng thì khoảng chừng nửa phút đồng hồ trên mình con diêm !

KHI đi qua cổng trại, người hạ sĩ gác cổng cười hỏi : Buồn dậy thiếu úy ? Tối nay qua phòng em nhậu nhẹt cho vui đi ?

Chàng nhìn người lính trẻ. Sống vui vậy có sao đâu ! Tất cả đều qua đi. Mùa thu này rồi cũng qua đi... Và mùa thu nữa, và mùa thu khác... Chiến tranh, lịch sử, văn minh... tất cả rồi cùng vào bảo tàng viện...

Ý nghĩ rất tầm thường đó chàng cố đừng nghĩ đến, nhưng không bao giờ cố tránh nó mà nó lại không nổi bật lên !

ĐOẠN thứ 8 bài Con tâu vào cõi chết của D.H. Lawrence : «Và tất cả đều đi mất, thân thể đi mất, hoàn toàn chìm sâu, mất hút, trọn vẹn mất đi. Bóng tối bên trên cũng nặng nề như bóng tối bên dưới, giữa hai vầng bóng tối đó con tâu nhỏ (con tâu vào cõi chết) mất hút đi. Đây là cuối cùng, đây là cõi lãng quên.»

Và đoạn thứ mười, đoạn cuối, câu cuối : «Ồ, hãy đóng cho anh con tâu vào cõi chết, Hãy đóng đi ! Vì anh sẽ cần nó ; Và vì cuộc hành trình vào lãng quên đang đợi chờ anh.»

CHÀNG thì khỏi cần đóng. Tất cả thanh niên Việt Nam đều đã được đóng sẵn cho những chiếc tàu để lên đường vào cõi lãng quên, ngay từ lúc chưa đủ chín để tự mình đập vỡ cho mình một lối thoát. Chàng nói với người hạ sĩ gác cổng : Mày gọi hết mấy đứa tới phòng mày đi, tao sẽ qua. Mấy giờ mày hết gác ? Sáu rưỡi hả ? Được rồi tám giờ tao qua. Mệ tớ, còn một ngàn mấy bạc đây, mày mua hết đồ nhậu cho tao đi...

TRỜI buổi chiều mùa thu êm như một bài thơ. Trang trại im vắng. Một vài tiếng keng từ góc xa... Chàng ngậm ngùi về phòng. Không thể đem ý nghĩ vào gang thép lạnh... của cây súng để phía đầu giường ngủ... Δ <https://tieulun.hopto.org>

CÁC học giả Tây phương chia lịch sử Trung Hoa ra làm hai phần : thượng cổ và cận đại ; ranh giới của hai phần đó là đời Hán (từ thế kỷ thứ hai trước C.N. tới thế kỷ thứ hai sau C.N.), vì kể từ đời Hán, với sự chính phục lần bang, mở rộng bờ cõi, Trung Hoa mới thực sự tiếp thụ nhiều nền văn hóa ngoại lai. Đạo Phật bắt đầu du nhập Trung Hoa cũng kể từ thời đại này.

Thoạt có thể nói có hai nguồn gốc cung cấp tài liệu thần thoại Trung Hoa :

— Những hàng chữ chép trên xương, trên mai rùa, trên các đồ đồng tế tự...

— Những sách lưu trữ trong thư khố.

Tuy nhiên tài liệu chính là sách lưu trữ trong thư khố, còn những hàng ghi chú khắc trên xương, trên mai rùa, trên các đồ đồng tế tự không giúp được bao nhiêu về tài liệu thần thoại.

Trở về những sách lưu trữ trong thư khố cung cấp tài liệu thần thoại Trung Hoa chúng ta cần ghi nhận điều này :

Tất cả các sách Trung Hoa đều được sao đi chép lại nhiều lần, nhiều khi những lời bản của hậu thế xen vào nguyên bản. Thêm một sự kiện này : nếu sách được Nho gia chép lại thường bị tước bỏ những nét hoang đường, quái đản (và chính đó mới là đặc tính nên thơ của thần thoại) để thay vào bằng cách nhân cách hóa những thần linh, nhiều khi uốn nắn những tính tiết thần thoại để dễ giải thích cho phù hợp với tư tưởng triết học của phe mình.

Thái độ của Nho gia bao giờ cũng dễ hiểu : đạo Khổng vốn chủ chương nhập thế giúp đời, nên Nho gia bao giờ cũng nghiêm chỉnh thần thực tiễn và duy lý (như tinh thần khoa học Tây phương bây giờ.)

Tỉ như Tư Mã Thiên, đời Hán Vũ Đế khi viết Sử Ký cũng tước bỏ hết những truyền thuyết hoang đường về các đời Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế.

Chúng ta hãy xem song song với số thần thoại Trung Hoa thuở khai thiên lập địa, là kiến trúc siêu hình ghi trong kinh Dịch : Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng biến hóa vô cùng.

Ghi về sự tích trị thủy của hai cha con ông Cồn và ông Vũ, các Nho gia chỉ cốt đề cao tư tưởng thuận tính tự nhiên thì thành (ông Vũ), ngược tính tự nhiên thì bại (ông Cồn trước đó.) Kinh thư, ngoài lời ghi vắn tắt của Khổng Tử, thiên Hồng Phạm chép lời Cơ Tử :

"Tôi nghe sự tích ông Cồn đắp đê làm bế tắc hồng thủy, làm loạn mất thuần tính của ngũ hành. Trời bắt bính không ban cho phép lớn nói về chín mối thứ tự của tự nhiên, cho nên ông Cồn đến phải chết ưc. Ông Vũ là con được nối nghiệp phục hưng, Trời bèn ban phép cho Hồng Phạm, Cửu Trù, luật tự nhiên lại tiến hóa theo thứ tự."

Sách Mạnh Tử, thiên Đằng Văn Công chép : "Đương đời vua Nghiêu, thiên hạ chưa bình định, nước lũ chảy tung hoành, đầy rẫy, cỏ cây rậm tối, chim muông phần thịnh, năm thứ thóc chưa thành thực, chim muông ở lẫn với người, những móng thú, dấu chim bừa bãi cả chốn Trung Quốc... Ông Vũ đào chín cái sông, khơi sông Tề, sông Loa, cho chảy về biển; xẻ sông Như, sông Hán, sông Hoài, sông Tứ chảy về sông Giang, rồi sau chốn Trung Quốc mới có thể cấy được mà ăn. Đương thời bấy giờ, ông Vũ ăn năm kinh lý việc nước, ba lần qua cửa nhà mình mà chẳng kịp vào..."

Kể chuyện vua Vũ trị thủy như vậy thực hoàn toàn như các minh quân hiền triết đương thời. Đời vàng ánh sáng chói chang lý trí của Nho gia, bước vào thế giới huyền thoại của nhân gian, chúng ta gặp một ông Vũ khác hẳn (sẽ đọc sau đây.)

Sau khi đã trình bày một cái nhìn tổng quát về thần thoại Trung Hoa, những thần thoại được sưu tầm sau đây, soạn giả đều cố gắng giữ càng nhiều những nét hoang đường cổ sơ càng hay.

TRUYỆN ÔNG BÀN CỎ

Thuở hỗn mang chưa phân trời đất chi cả, chỉ có hình thái tựa tựa quả trứng gà. Từ trong trứng sinh ra ông Bàn Cỏ. Trong khoảng mười tám ngàn năm, trứng nguyên thủy đó mở ra, chất âm nặng và thô lắng xuống thành đất, chất dương nhẹ và thanh dâng lên thành trời. Mỗi ngày trời lên cao mười bộ (mỗi bộ dài 0m324), đất lún xuống mười bộ, và Bàn Cỏ cũng mỗi ngày cao lên mười bộ. Trong mười tám ngàn năm, thân hình Bàn Cỏ cao lớn nổi lên trời đất.

Khi Bàn Cỏ chết, thân hình ông thành các bộ phận của hoàn vũ. Đầu ông thành những rặng núi cao ; đôi mắt ông thành mặt trời mặt trăng ; mồ máu thành sông ngòi, biển cả ; lông tóc thành cây cỏ ; răng và xương thành đá và các kim loại, chảy rạn thành người

MẶT TRỜI

Có mười mặt trời mang hình là những con quạ lửa. Hàng ngày bà mẹ của mười mặt trời đem lũ con đến tắm rửa ở một cái hồ miền cực đông,



gần hồ là một cây dâu cực lớn rồng rồng, (cây Khổng Tang hay Phù Tang).

Sau khi tắm rửa xong, chín con leo lên các cành cây Khổng Tang, riêng đứa đến phiên làm việc thì leo lên càng cao nhất, rồi bước vào một chiếc xe do sáu con long mã kéo, chính bà mẹ cầm cương. Cuộc hành trình chấm dứt vào buổi chiều khi xe tới ngọn cây Nhược, một cây cỏ thụ mọc ngay bên bờ con sông lớn trên ngọn núi miền cực Tây. Cỏ thụ này đặc điểm có hoa đỏ và chiếu sáng ban đêm (ý hẩn ám chỉ các vì sao.)

MẶT TRĂNG

Có mười hai mặt trăng thay phiên nhau trên vòm trời trong mười hai tháng. Cũng như mặt trời ban ngày, mặt trăng ban đêm di chuyển trên vòm trời bằng xe nhưng không phải do bà mẹ cầm cương. Mười mặt trời và mười hai mặt trăng (tượng trưng thập can, thập nhị chi ?) đều do một mẹ sinh ra cả.

Có huyền thoại cho rằng trong mặt trăng có con thỏ ngọc ở, một huyền thoại khác, thay vì thỏ lại bảo là có con thềm thử (cóc). Sau này còn huyền thoại khác khá phổ thông về mặt trăng là huyền thoại Hằng Nga vợ Hậu Nghệ. Hằng Nga vùng thuốc tiên của chồng mà rồi bay lên cung Quảng ở li trên đó.

THIÊN ĐÌNH VÀ CÁC VÌ SAO.

TRUYỆN NGƯA LANG CHÚC NỮ

Thiên đình nơi thượng đế ngự được thiết lập tại chính chòm sao đại hùng tinh. Trước cửa thiết, đình có con chó ngao hung dữ đi đi lại lại canh giữ (tức sao Sirius, Tây phương.) Các chòm sao khác trên vòm trời đều là những thiên quang giúp việc triều chính bên Thượng Đế.

Sao Ngưu (chòm sao Aigle) và sao Chức (chòm sao Lyre) ở đối diện hai bên bờ sông Ngân Hà nơi có huyền thoại cặp vợ chồng Ngưu Lang, Chức Nữ

Tục truyền Chức Nữ hầu Thượng Đế, chán lo dệt cửi, không bỏ thì giờ để đi tìm trang. Thượng Đế thấy vậy thương tình gả cho Khiên Ngưu là kẻ chăn trâu của người. Hai người thương yêu, nhặc bỏ phước việc Trời. Trời mỗi đầy mỗi người ở một bên sông Ngân Hà. Năm năm cứ vào ngày mồng bảy tháng bảy Chứa Nữ qua sông Ngân Hà gặp chồng. (Ngày đó hai chòm sao ở vào vị trí gần nhau nhất.)

HẢI THẦN

Thần bề có chân tay như người, nhưng mình li mình con cá kinh (cá ông voi) cực lớn, dài không biết bao nhiêu dặm. Thần cưới hai con rồng. Khi nào nổi giận thần bèn hóa thành con chim bằng không lồ cất cánh bay lên che kín cả vòm trời và bay một mạch sáu tháng tới Nam Hải mới hạ cánh.

NĂM ĐẢO BỒNG LAI

Tại biển Đông có năm đảo Bồng Lai, chốn trường sinh bất tử của các tiên ở. Năm đảo này nổi trên mặt bể mỗi đảo được Thượng đế cất có ba con rùa lớn thay phiên nhau neo giữ bên dưới để đảo khỏi trôi về phía Tây và phải đất liền. Nhưng trong số mười lăm con rùa đó, sáu con bị thần Long Bá câu mất, thành thử hai đảo không có rùa neo giữ bên dưới, trôi dạt lên Bắc cực rồi đắm mất. Năm đảo vì vậy chỉ còn ba. Những người đi bể mỗi khi nhìn xa gặp khoảng chân trời có mây ngũ sắc che, thường cho đấy chính là Bồng Đảo. Họ không thể chèo thuyền tới được vì lẽ chèo gần tới thì Bồng Đảo lại như bị gió thổi đưa đi xa.

ĐẤT VÀ NÚI.

Năm núi cao chạm trời của Trung Hoa gọi là Ngũ Nhạc, nơi các thần nhân ở, và tiêu biểu cho năm phương. Hoành Sơn ở phương Nam. Hoa Sơn ở phương Tây, Thái sơn ở phương Đông. Hằng Sơn ở phương Bắc, và Trung Sơn ở chính giữa.

Ngoài Ngũ Nhạc ra còn núi Côn Lôn là kinh đô hạ giới của Thượng Đế có các vị tiên ở. Núi được cai quản bởi một thần nhân mặt người, mình hồ, vuốt hồ, có chín đuôi. Có loài dê bốn sừng ăn thịt người. Có con quái vật mình hồ, chín đầu người canh cửa Quang Môn, phía Đông. Có những loại chim để Thượng Đế sai phái, và rất nhiều hoai kỳ cổ lạ. Một giòng nước cực loãng, loãng đến thì một chiếc lông ngỗng lên mà cũng chìm, chảy quanh núi ba vòng để ngăn không cho phạm nhân bèn gót tới. Cũng có sách nói dòng nước này nước đỏ như chu sa, ai uống được sẽ trường sinh bất tử.

BÀ TÂY DƯƠNG MẪU

Theo sách Sơn Hải Kinh, Tây Vương Mẫu hình dung cổ quái, mặt người đuôi báo, răng hồ. Bà ra tai bệnh dịch hạch hoặc các thiên tai khác. Bà ngự trong một ngọn núi về phía Bắc ngọn Côn Lôn, ở ngay ranh giới miền sa mạc mệnh môn. Trước mặt bà thường có ba con chim xanh để bà sai phái đi kiểm thức ăn.

Về sau này bà Tây Vương Mẫu dưới ngò bút của Nho gia được chuyển hóa thành một nữ thần vừa đẹp vừa có quyền uy thường hay thiết tiệc chư tiên tại vườn đào của bà ở ngay núi Côn Lôn.

(xem tiếp trang 14)

<https://tieulun.hopto.org>

CHIÊM BAO TRONG TÌNH TRẠNG THƯỜNG NGOẠN :

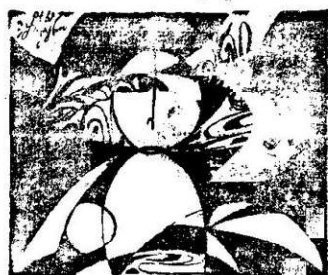
CHIÊM bao phân biệt với mơ màng. Mơ màng là tình trạng nửa thức nửa ngủ, lúc mà ý thức con người vẫn còn hoạt động nhưng mờ nhạt, ta không phân biệt đầu là mộng với thực, cả hai như trộn lẫn vào nhau, trên một tọa độ tương giao giữa bóng tối và ánh sáng. Các nhà tâm lý cho biết yếu tố cấu tạo mơ màng gồm có hai phần, một phần thuộc về sinh lý, phần kia là vật lý. ấy là cái lúc mà thể xác ta mệt mỏi gần như rã rời không còn muốn hoạt động nữa, ấy là cái lúc bên ngoài rào rào tiếng nước thủy triều đang lên, hay tiếng trầm trầm của đoàn xe lửa qua cầu sắt, hay từng tiếng chạm nhẹ của lá vàng rơi trên thảm trong một khuỷa khuất... Trong khi mơ màng, cuộc đời đối với ta chưa phải là hư ảo mà cũng không phải thực tế lờ lờ. Còn chiêm bao là một giấc mộng

chiêm ngưỡng, tai mở rộng mà không nghe những tiếng động hỗn độn đó đây vì nó đang lắng đợi một thứ âm nhạc kỳ bí đang thường thức... Nghĩa là tất cả tâm hồn đều nhìn về một hướng. Có thể nói ta nghe bằng tâm hồn, ngũ quan chỉ là một trung gian. Chúng ta cũng có kinh nghiệm là lúc ấy ta quên mình đi, nhất là khi chúng ta đang ở trong bầu khí thiêng liêng trong chánh điện một ngôi chùa, hay khi chúng ta đang lắng nghe tiếng nhạc trầm bổng của nhà thờ trong lúc cầu kinh. Một tiếng chuông chùa ngân nga trong đêm khuya có thể làm cho ta quên đi một giây phiền não, không khí u huyền của đêm Noel như đưa ta đến cái thế giới trắng sao trên sa mạc Trung Đông. Cái lúc quên mình đi ấy có thể nói là giây phút chiêm bao trong tình trạng thường ngoạn. Hàn Mặc Tử đi thuyền trong đêm trăng, thấy tri tiê và nước và thuyền đang lên, đồng dâng lên như khói, ấy cũng

YẾU TỐ TRONG VẬT TRONG THI CA

Một bài "nguyệt cầm" của Xuân Diệu được trình bày ra đây, đủ cho người đọc có cảm giác như bơi trong một thế giới mới lạ, khác với thế giới của âm thanh và màu sắc đục ngầu bao quanh chúng ta. Cung điện xây bằng ánh trăng lạnh lẽo, một dãy

trần văn nam



Mà nước mưa thu thì vừa lạnh, lại là một đêm rằm nên trước lại càng tỏ ngời. Các ẩn sĩ thường ngồi thả câu trong những mùa nước mênh mông này, ngồi mà chờ cái thời cuộc vẫn xoay theo một chu kỳ tuần hoàn của vũ trụ. Cùng với tiếng hát của nương tử trên trời, hóa thân trong tiếng hát của người kỹ nữ ở dưới thế, cung đàn thành thơ am hưởng trên bến nước Tầm Dương, gây cho khách nhàn du cái cảm giác ớn lạnh :

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời
Đoàn ghê như nước lạnh,
trời ở

Long lanh tiếng sỏi vang vang hăm
Trăng nhớ Tầm dương, nhạc nhớ
lời...

Đến đây, đến giờ phút giao thừa của đất và trời mà tọa độ là mùa thu, khắp nơi chan hòa ánh sáng, thứ ánh sáng huyền ảo bồng bồng như có âm nhạc. Kinh nghiệm này Xuân Diệu đã nhiều lần bắt gặp, như trong trần mưa lưu huỳnh của phần thông vàng, Xuân Diệu đã nghe được một nhịp điệu huyền bí của màu vàng, nghĩa là từ thị giác Xuân Diệu đã nhận thức màu vàng bằng thính giác. Trên cái biên giới màu sắc và âm thanh như lẫn lộn, con người lao đảo trên chiều nghiêng của cơn mê sáng. Trong giờ phút ấy, sương trắng, mà là thứ sương sắp sửa bốc thành hơi để biến mất nhường chỗ cho bình minh nên mỏng manh phơn phớt trên ngàn cây nội cỏ. Trọng giờ phút ấy, tất cả sinh vật đều không thẹn mà đồng tình yên lặng, như nín thở mà nghe thứ âm nhạc bí mật của địa cầu vọng lên những vì sao sắp sửa lặn đi khi đêm đã sắp tàn :

Bồn bề ánh nhạc : biển pha lê

Chiếc đảo hồn tôi gợn bốn bề

Sương bạc làm thành, khuya
nín thở

Nghe sâu âm nhạc đến sao khuê...

Chúng ta đã đọc xong bài "nguyệt cầm" của Xuân Diệu, chắc hẳn chúng ta không ít thì nhiều đã lọt vào một thế giới trong ảo mộng, ở đó ảo giác đồng lóa với ảo ảnh làm thành một hư cấu, sản phẩm của trí tưởng tượng trong tâm thần của một thi sĩ. Tất cả bài thơ có một sự thống nhất, từ đầu đến cuối đều dựa chúng ta vào giấc mộng, đó là một giấc chiêm bao trong tình trạng thường ngoạn. "Cái trong vật như yếu tính của loại chiêm bao này, trong vật từ thể rắn như lâu đài cung điện, trong vật mềm dẻo như nước xanh đêm rằm, trong vật qua thể hơi như sương bạc mỏng manh, và trong vật đến cực độ là quang thể tức là ánh sáng pha-lê..."

CHIÊM BAO, MƠ MÀNG, THỰC TẾ :



ĐỌC THƠ TIỀN CHIẾN : XUÂN DIỆU, NGUYỄN BÌNH

hoàn toàn, những hình ảnh trong chiêm bao đều là bồng đảo, chúng xuất hiện trong khi ta ngủ một cách vô trật tự, lộn xộn từ chuyện này nhảy sang chuyện khác, có khi một mình ta đóng hai vai trò cùng một lúc trong chiêm bao : là bởi vì khi nằm mộng, ý thức của ta ngưng hoạt động, do đó mà không có luận lý chặt chẽ của lý trí xếp đặt cố đầu đuôi các sự kiện mặc kệ cho các ẩn tượng xa vời trong quá khứ từ tiềm thức nhô lên trong cái tri não ngái ngủ của ta. Vì vậy có những điều ta tưởng đâu đã quên từ lâu lắm lại đột ngột hiện ra trong giấc ngủ, và khi thức dậy dường như các hư ảnh vội vã chạy trốn về cõi tiềm thức làm cho lý trí của ta không kịp chụp bắt lại, do đó ta không nhớ rõ cái gì đã thấy trong chiêm bao, nếu còn nhớ thì chỉ nhớ một cách mơ hồ.

Như thế đã rõ chiêm bao khác mơ màng; nhưng còn một trường hợp nữa ta phải kể ra đây, ấy là trường hợp chiêm bao trong tình trạng thường ngoạn. Cũng là một thứ chiêm bao nhưng lúc này mắt ta rảo hoành, không phải lim dim, không phải ngái ngủ. Ngũ quan đều thức dậy, nhưng mắt mở rộng mà không thấy mọi vật xung quanh, vì nó đang hướng về một đối tượng đang

là lúc quên mình đi, thấy ý thức như tan rã thành hơi bay lên trời thăm. Các nhà thần bí, nhất là nhà thơ siêu thực, cũng như các triết nhân kiêm đạo sĩ, thường đề cao cái giây phút xuất thần ấy. Làm thơ mà còn tỉnh toán, còn lựa chữ tìm lời, còn so đo thêm bớt, thì mới chỉ là văn chương chứ chưa phải là thơ. Thơ là một kỳ bí, nó chỉ đến với ai muốn gặp gỡ nó trên lộ trình dệt bằng phiêu bồng và diệu vợi, theo quan niệm của các nhà tôn giáo.

Nếu yếu tố cấu tạo mơ màng gồm có hai phần, phần sinh lý là lúc thể xác trầm mê mệt mỏi, phần vật lý là những tiếng động đều đều một cách buồn buồn, thì yếu tố cấu tạo chiêm bao trong giấc ngủ theo Freud là những dồn nén trong đời sống ban ngày, là những ẩn ức do tập quán luận lý kềm chế mà lắng sâu vào tiềm thức, đợi khi ta ngủ mới trỗi dậy biến thành chiêm bao mộng mị. Chẳng thế mà trong chiêm bao nhiều người nhận thấy mình đang làm điều đời phong bại tục và những khuôn mặt đàn bà kiểu diêm làm ta tuyệt vọng lại đến với ta. Thời gian vật lý trong lúc mơ màng là buổi hoàng hôn, lúc mọi sự đều yên tĩnh tìm sự nghỉ ngơi. Vì vậy có thể nói mơ màng gắn liền với ngoại cảnh man mác buồn. Còn vũ trụ của chiêm bao hoàn toàn là

hành lang dẫn vào âm nhạc chậm chậm của đất trời hòa điệu, những gian phòng rộng lớn nghe cả cái im lặng phẳng phắc, từng giọt nện rơi xuống lặng lẽ như thủy ngân :

Trăng nhập vào đây cung nguyệt lạnh

Trăng thương trăng nhớ hồi
trăng ngần

Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm

Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân...

Trong khi ngoài trời, mà không thể xác định trời ở đây là bên trên hay bên dưới, có lẽ là bầu trời trắng sao vậy chung quanh cung điện mờ ảo ánh sáng, chỉ biết ngoài trời thật là vắng vẻ mà lại trong như thủy tinh. Từng bóng sáng chao lượn trong cõi thinh không, có lẽ là bóng sáng của vân thạch vút qua trong một cuộc viễn du vô hạn. Từ cung điện lạnh lốt đưa ra tiếng hát của nương tử vọng xuống trần gian mà âm vang trên làn nước xanh của những dòng trường giang xuôi miền bất tận...

Mây trắng trời trong, đêm
thủy tinh

Lung linh bóng sáng bỗng
rùng mình

Vì nghe nương tử trong câu hát

Đã chui đêm rằm theo nước xanh...

TỪ MƠ MÀNG ĐẾN THỰC TẾ

Bây giờ ta thử đọc bài thơ sau đây để thấy một sự sụp đổ từ chiêm bao đến mơ màng, rồi từ mơ màng đi xuống thực tế:

CÔ HÁI MƠ NGUYỄN BÌNH

Thơ thần đường chiều một khách
thơ

Xa nhìn ra rừng núi xanh lơ
Khí trời trong trẻo và lạnh lẽo
Thấp thoáng rừng mơ có hái mơ

Hỡi cô con gái hái mơ già
Cô chưa về ư đường thì xa
Mà ánh hoàng hôn dần một tắt
Hay cô ở lại về cùng ta.

Nhà ta ở dưới gốc cây dương
Cách động Hương Sơn nửa dặm
đường

Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương.

Cô hái mơ ơ, có gái ơ
Chẳng trả lời nhau lấy một lời
Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng
Rừng mơ hui hắt lá mơ rơi...

Rõ ràng là bài thơ thiếu một nhất trí, nó đưa ta đi từ ảo mộng về cuộc đời, cuộc viễn du không đi về viễn xứ mà lại quanh về quê hương. Ban đầu ta thấy gì? Có phải là một bầu trời trong sáng, đáng xa là một rừng núi xanh lơ, màu thiên thanh gợi nhớ thương về cõi bằng lai; còn khí trời thì thật lạnh lẽo, cái lạnh lẽo của một chân trời không một gợn mây gợi nhớ nhưng về một bản thể trong vắt không hoen ố một vết đục tinh. Giữa cái bối cảnh mộng ảo ấy, mộng ảo chứ không phải mộng tỉnh, vì cõi tiếp có cái đẹp rất lạnh lùng như đã loại bỏ mọi dấu vết đục ngầu của đục vọng, cũng như vẻ đẹp lửa thề của thần vệ nữ đã loại bỏ mọi đam mê của đục tinh; giữa bối cảnh ấy một nàng tiên xuất hiện thấp thoáng trong rừng mơ, mà rừng mơ cũng là một môi trường đồng lửa cho giấc chiêm bao. Từ thế giới của chiêm bao, Nguyễn Bình đưa độc giả đi xuống cuộc mơ màng. Môi trường của mơ màng là buổi hoàng hôn và tình cảm của con người trong lúc mơ màng cũng rất gần với nhân tính, trái ngược với tình cảm trong lúc thường ngoạn chiêm bao dường như rất lạnh đạm không thuộc về con người mà thuộc về nơi tiên cảnh; hình như lạc thú nơi tiên cảnh là một lạc thú không có tính chất nhân loại, gần như lạc thú nơi cõi Nát Bàn có tính chất vô ngã hoàn toàn. Vì vậy mà đoạn thơ thứ nhì, tác giả đưa độc giả trở về với tình cảm con người, con người ở đây là hóa thân của tác giả qua hình ảnh người lữ khách ngỡ ý gọi tình với cô gái hái mơ, lại còn trở giọng hoa bướm muốn mời nàng về nhà của mình. Trong bóng tối nhá nhem của hoàng hôn, tác giả đã mơ màng những gì? Mơ diu nàng về mái nhà tranh bên suối róc rách, ở dưới mấy cây dương xanh mát, ở bên những hoa

LÊ VĂN NGÂN



IM HƠI NÀO MÀ ANH KHÔNG BIẾT

Chiều hôm qua có một người về
nói đã gặp anh trên viễn địa
tôi nghĩ thầm và băng lộ chiều nay
thấy ở đằng xa khu gió chiêm

mười mấy năm quên hẳn đời nhau
bỗng một lúc trời mưa trắng xuống
tôi co ro ở mái hiên người
gặp một mùa đông ấm lửa

có ai đi lá mới bờ sông
phương qua đêm sáng nay đôi khác
rẽ sương mù vì thấy lòng trong
nước xuôi xuôi nghìn vạn thuở

PHẠM NGỌC LƯ RỤNG TIM NGƯỜI

Hồng đời tôi một hòn đá vụn
rớt vô tình xuống đáy sông tan
còn nghe tiếng hú hồn lay bầy
bay trên bờ nước siết man man

Tội tình tôi chờ hái bùm mưa
rửa vết thương sâu ngời lửa cháy
chiều nay ai đập vô chại bia
máu vọt lên giữa dòng nước xoáy

Người đến chỉ rét màu nắng quái
chốc nữa về đau ngọn mưa diên
gớm chưa; mây một trời tan tác
tôi một mình thôi cuồng lòng chìm

Bỗng ngó lại đời rung cánh đập
nát lòng chưa nghìn giọt mưa xuyên
năm già chết xuôi thân lá úa
lá rụng thâm cũng đủ vỡ tim.

chiều hôm nay có một người già
lặng lẽ mức từng gầu nước lạnh
tôi nhìn lên nửa dáng trời tây,
tay buồn đập khi tháng chấp

sống hắt hiu cho quên chờ đợi
sáng mai lên hay chiều chưa xong
cành lá xanh ngang tầm cửa sổ
đến khuya im liền hóa ra vàng

tôi mở rương tìm áo lạnh
gờ mình không để ý nghìn năm
tôi soi gương thấy tóc im từng sợi trắng
nên chổng thêm chiếc gậy đến quán cơm

ôi tình em ở bên sông núi
và tình anh ở tận đầu rồi
bề dâu gì cho thêm mù mịt
bao ngày gió bão đã ngừng hơi

đây sáng mùa thu tôi ngồi đây
bông hoa kia trắng hết cửa trời
tôi ra ngó cây sầu đông trước ngõ
cũng thấy hoa kia nở hết cả rồi

tôi liền tôi bèn thành mỹ cổ
nghe nơi đây chẳng có đôi đời
tôi đi ngược mấy tầng xa mà
thấy mình bằng một tiếng vang thời Δ



PHẠM QUÊ CHÂU KHI VỀ

Khi về, Hồn xé, Qua song
dấu sương áo tím ngời trông cổ ngoài
mặt mù to nhận hai vai
tiếng chim dĩ vãng rúc ngoài nhớ thương
tình khố, giấy mực nghe buồn
bàn ly, tách rỗng môi còn dấu, trên...
khuya, hiên giầy vớ chân nguyên
giường che, bụi phủ giầy thêm một thảm
ngó ra, bắc lun, hồn cầm
đứng đợi động cánh tưởng chân hiên chờ,
gió non khép cửa bao giờ
xuôi tay nghe mối đục bờ vầu đau.

ngân riu rít tiếng chim muông. Chiều đi xuống của bài thơ đến đây vẫn chưa ngừng lại, giấc mơ màng của người lữ khách không được trọn vẹn, vì bởi thực tế như con dao cắt đứt nguồn mơ màng. Làm sao ta có thể xác định lấy là lúc tác giả đang mơ màng, nói rõ hơn đoạn thơ thứ nhì và thứ ba biểu lộ sự mơ màng của tác giả một cách vô ý thức, các từ ngữ được sử dụng đã biểu lộ cho ta thấy các yếu tố của sự mơ màng: Phần sinh lý bất định (thơ thần) người lữ khách ước mong trở về mái nhà, và mời cả cô hái mơ cùng trở về. Nhà là không gian nghỉ ngơi, nhà là

nơi chiều dài con người khi mệt mỏi. Còn yếu tố vật lý cấu tạo giấc mơ màng là thời gian tìm nhặt của hoàng hôn, là cái hình bóng khi mờ khi tỏ trong rừng mơ của nàng con gái Sơn dã. Từ mơ màng bài thơ lần lần đi xuống thực tại, một thực tại sống sờ sờ nếu không muốn nói là phủ phàng. Người lữ khách buông lời chào hỏi thì cô hái mơ vẫn cứ lặng mà đi, nếu cứ lặng mà đi thì có khi nó có cái dư vị của hình bóng lẳng lặng, của nét đẹp mong manh là đặc tính của giai nhân; nhưng đây nàng lại hoàn toàn khuất bóng, trả lại khu rừng đã bắt đầu đầy đặc bóng tối. Bóng tối đây

đặc trên rừng cây là biện chứng đi từ mong manh trong sáng đến cái đặc thù lộ liễu, từ giấc mơ đến cuộc đời. Người lữ khách bàng hoàng trước một thực tế lột tất cả mọi điều mơ mộng, tượng trưng bằng mấy chiếc lá vàng rơi lác đác trong rừng mơ. Một thực tại buồng xuống chấm dứt bài thơ mà cũng chấm dứt luôn một giấc mộng giữa ban ngày của độc giả. Độc giả không có cảm giác cắt mình bay đi vào cõi thình không mà như có cảm giác một mình bóng trở về trên con đường vắng, đó là hình bóng của người lữ khách quay gót trở về chốn bụi mờ Δ

ĐĂNG TÂN TÔI

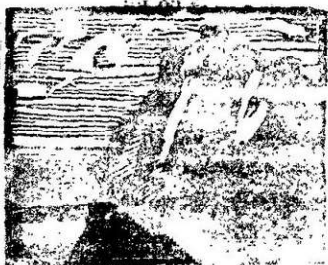


TRƯỜNG THU VÂN

Trường thu vân, trường thu vân !
Thu phần tuyết vân màu phân ly rồi
Những chiều hộc cháy xương côi
Loạn giòng tùy nóng nạt mới là sầu
Ôm màu thiên nhãn trang đầu
Mang mang trang cuối trắng thân tuyết
hồn

Vô văn môn, Không thu môn
Trời sương rơi trắng những hôn phổi
ngàn
Ở cổ lý, oi đời tan !

Trăng một thuở mờ quan san cát tình
Cát ơi ! trăng hạt tâng kinh
Hồn hoang còn rớt lưu linh mấy bờ ?
Trường thu thơ, đoàn thu tờ
Tờ mờ lá thắm lượn bờ bể đầu
Từ giang đầu, xử nhân sầu
Lạt trang thu máu xô màu hậu thiên
Thu ơi ! trăng đặng cô miên
Đáo trường thu hạn đảo diên thu vàng
Tóc thu rũ mái nguyệt hàn
Thu dù bất tận, vô văn viễn ly.



TÌNH BẢNG

Tao khê nước chảy, tình bảng lá lay
Lá bay, ô lá vào bay
Đôi bờ cách biệt, chưa ngày trùng sinh.

TÌNH KHÔNG

Thu ơi ! đừng trời điện đàn
Cung tiêu thiếu cũ trắng vàng ven sông
Loạn màu ở máu ở bóng
Lá ngò đồng lấp tình không thu nào !

GÁI HẢI SEN

Ơi người con gái hải sen !
Ơ người con gái hoa đèn đêm xưa
Nàng về xoắn tóc song mưa
Tóc đuôi gà bỏ ban trưa bay rồi.

VỀ cuối mùa thu và những ngày đầu của mùa đông, lá khô từ trên hàng trăm cây vải vàng úa rụng xuống, che lấp cỏ úa trong những khu vườn của làng Bảng nằm bên này một con sông lòng thật sâu bờ đắp cao hai bên. Phía bên kia là làng Quang, có con đường trải đá dẫn về Hà nội dọc theo những hàng cây gạo. Đó là vùng quê nội của tôi, hay nói chính xác hơn, đó là nơi bà nội tôi tới lập nghiệp sau khi phải rời nơi sinh trưởng đích thực. Một vùng quê đẹp trong đơn giản và chất phác như hệt hình ảnh của người bà khi xuất hiện lần đầu trong gia đình chúng tôi.

Đó là một người đàn bà già chít khăn trắng, da mặt nhăn râm nâu vì nắng, mặc áo tứ thân đôi vạt, chít thắt lưng màu thiên lý, không ngồi trên ghế phòng khách mà ngồi xếp bằng trên chiếc đi văng, vừa chùi nước mắt vừa nói chuyện với thầy mẹ tôi và gọi thầy tôi bằng «anh». Ông mới chết ngày hôm trước đó và bây giờ bà đang cố gắng thuyết phục thầy tôi ngày mai trở về chịu tang và đưa đám. Bà vừa xụi xụi vừa gọi từng đứa cháu lại gần coi mặt mũi và hỏi tên—tôi trở mặt lên mà nhìn «người bà» lần đầu tiên gặp gỡ. Tôi chỉ quen thuộc với bà, bà ngoại, và cứ yên trí mọi đứa trẻ khác cũng chỉ có một bà như tôi. Mãi về sau này tôi mới hiểu được ý nghĩa của buổi gặp gỡ ngày hôm ấy cùng thăm kịch đã xảy ra trong một quá khứ xa. Quê nội của chúng tôi thực ra không phải là vùng làng Bảng đầy cây vải ấy mà ở vùng Vân đình gần chùa Hương. Ông nội thực của tôi chỉ sinh ra được một mình thầy tôi là con, kẻ cuối cùng của một dòng họ cổ cựu. Ông chết sớm và bà còn trẻ. Tất cả áp lực của truyền thống cổ xưa đều đã được sử dụng để giữ bà tôi thủ tiết nuôi con, đưa cháu đích tôn duy nhất. Nhưng y như trong truyện «Lạnh lùng» của Nhất Linh, bà tôi đã thương yêu một người khác, và cũng khác với kết cục của Nhất Linh, nàng Nhung lần này đã ra đi chứ không trở về với căn nhà thờ tổ có bức hoành phi «tiết hạnh khả phong». Thăm kịch nào đã xảy ra trong thời gian vài năm sau đó, tôi không bao giờ biết được. Thầy tôi đã theo mẹ đến vùng làng Bảng đó vài năm rồi ông một hôm bỏ đi luôn ra Hà nội sống lang thang một mình, và lấy vợ cũng không chịu đưa về chào. Bồn phẫn làm đầu trưởng của mẹ tôi còn có phần thiếu xót như thế nên bà đã can thiệp vào buổi hội kiến khá nhiều nước mắt và xằng giọng đó. Hậu quả ngày hôm sau, từ sáng sớm, mấy đứa tôi được theo hai người về đưa đám người chồng thứ hai của bà tôi, và cũng để cho chúng tôi có thêm một người bà và một quê hương thứ hai.

Từ đó tương quan giữa bà và gia đình chúng tôi mật thiết hơn, một năm bà ra thăm vài lần hoặc cho một đứa cháu gái gánh quà ra cho. Đối với mấy đứa tôi, mỗi lần như thế đều thần tiên. Quà của bà nội là nhất, nhiều vô kể, đầy hai thùng. Chúng tôi xà vào lục tung, lôi ra đủ thứ, từ đi nhẵn vài müt đến các thứ bánh trái xứ quê. Bà không bao giờ cho cái gì ít cả. Đã vào mùa đi, cho đúng một thùng đi, mùa nhân tháng nhân, müt thì hai trái bự, bánh rong cả trăm với một hũ mật đặc. Mặc dù tất cả những la mắng đe dọa của thầy và mẹ : ăn nhiều đi đi táo, ăn nhiều vài sưng mụn trên đầu, ăn nhiều bánh với mật đau bụng... mấy đứa bọn tôi ăn như thường, bỏ com luôn. Các quà của bà nội thật khác xa quà bà ngoại khác như hai bà có thể khác nhau : một bên sang trọng quyền quý hách dịch với những món quà tế nhị, xa lạ và chỉ có một chút, một bên giản dị nâu sồng với thổ sản miền quê, bánh trái truyền thống có tự ngàn đời, và xếp đầy cả thùng. Bởi thế không có gì ngạc nhiên khi mấy đứa tôi thấy ngay bà nội mới là người bà lý tưởng, người bà của huyền sử bao đời.

Thầy tôi rất thích ăn đậu với tương, chấm mọi đồ ăn với tương và ngay từ thời kỳ trước khi hóa giải với bà, tôi nhớ nhiều lần trong bữa cơm ông than thở là tương làng Bảng, tương vùng bà mới thật là ngon. Tất cả tương nơi khác đều không sao

bằng. Mẹ tôi thường im lặng không nói gì tới thật khôn, dù có đi khắp chợ Đống Xuân, đ nước. mẹ tôi cũng chẳng tìm đâu ra thứ t có hương vị quá khứ, hương vị mẹ con quyền l cho người chồng hải lòng. Sự trở về quê t theo đây đủ vợ con — mẹ tôi hồi trẻ rất đẹp thuộc một gia đình cao hơn thầy tôi nhiều — đưa đám người chồng thứ hai của bà tôi, đã xôn xao cho vùng quê ấy. Khi các dân làng, hàng chú mục nhìn và bàn về mẹ tôi, mẹ cảm t sao không biết nhưng chắc chắn có làm một vi lập một hệ thống tương cho chồng. Tương n không để lâu được nên kể từ khi anh Lam tôi lớn để đi xe đạp xa, cứ mỗi tháng một lần L được cử về quê nội để lấy tương lên. Lam đi sáng sớm, thường là tôi chưa thức giấc kịp để c đồ về khoản quà bánh. Nhưng điều đó cũng khô sao : buổi xế trưa anh đạp xe về, nếu bên trái t lái là một hũ tương thì phía tay phải là một tre có quai đựng quà. Và chắc bà thấy anh tôi t gửi theo được ít quà quá nên vẫn đều đều có c đưa cháu họ xa gánh hai thùng quà đi bộ rất nhii cây số ra cho.

Sau mỗi chuyến đi lấy tương về, anh t đều có một buổi tương thuật những gì xảy ra tron ngày : đi qua những làng nào, sông nào thì gầ nhất, chỗ nào phải vác xe đi qua cầu tre, chỗ nà có nhiều chó dữ phải đập hết tốc lực chạy trốn chệ mà vẫn giữ được hũ tương không vỡ. Anh tôi đ trở thành người hùng của mấy đứa em rồi. Và c nhiên là ước vọng thứ nhất của tôi là được cử c lấy tương thay thế. Điều cần bản là phải biết đi x đạp và đi giỏi. Lam lấy xe ra dựng cho tôi ở nhữn nơi xa nhà, khuất mắt mẹ tôi. Cần thận thế là phải bẻ chường trình huấn luyện cũng nhiều cam go. Mệ lần hai đưa, anh tôi cảm lái tôi ngồi yên và dạ quẹo vòng trước bánh, xe lao xuống phía hỏ nằn tít dưới sườn dốc. Lam đã nhanh trí chọn mệ ngôi cồ mộ húc vào, xe nảy tung Lam rơi lặn ló một đàng tôi một nẻo nhưng không đưa nào rò xuống hồ. Việc rớt xuống hồ với cái xe chỉ xảy r sau này, khi tôi tập đi một mình và bơi đã khá - một điều kiện tiên quyết khác để mẹ tôi chấp thuậ cho tôi được lên đường đi lấy tương bởi vì lộ trìn phải đi qua nhiều đường hẹp ven bờ nhiề ao hồ.

Một buổi sáng chủ nhật, thầy mẹ tôi quye định đưa mấy đứa tôi về thăm bà theo một l trình mà bao nhiêu năm về trước, thầy tôi đã dằn để bỏ nhà ra đi. Dùng tàu điện đi cho tới khi hế đường sắt, thuê xe kéo đi trên đầu quốc lộ 1 té quán Gánh, nghỉ uống nước trà tươi và ăn bán giấy có nhân cá cuống ngoài có đồ vào bao phủ nê danh của nơi này, đi bộ dọc theo đường tới mệ cột cây số đề Saigon... chẳng biết là bao ngàn cá số. Nơi đó là Cầu Tiên — cái tên làm tôi tườn tượng - mơ mộng rất nhiều để rồi thất vọng vì ch đó không hề có một cái cầu nào. Bảng qua đườn xe lửa vào vùng quê theo một con đườn làng lát gạch đỏ, nhiều khúc hai bên toà hồ nước. Qua một làng thật xinh ra cán đồng. Thầy tôi đã ngờ ngẩn một lúc, dẫn chún tôi đi loanh quanh ngoài cánh đồng rồi mới tìm r con đường đất nhỏ dẫn vào một con đườn qu lớn hơn. Tôi mệ say quảng này nhất : hai bên c cây cao mát rượi, và sau một hàng cây là con sôn nhỏ sâu tít phía dưới. Gốc cây nào cũng có khoản cồ êm như mời mọc tôi nằm lăn ra đấy. Quán đườn này không dài nhưng đi lâu nhất bởi v thoáng một cái thầy me tôi lại phải dừng lại đ kiểm bọn tôi chạy lung tung trong lùm cây có nhữn chùm hoa đỏ tía, trông thật đẹp nhưng ngắt rả khó và mùi rất hôi. Khi về tới làng, bà tôi ở ngoà chợ chưa về. Cả gia đình kéo qua chiếc cầu gỗ san, chợ quê nằm dưới nhiều gốc cây cổ thụ. Đến lú ấy tôi mới biết bà tôi làm đậu phụ mang bán no chợ nhỏ yên tĩnh này.

Những đứa cháu ăn mặc quần áo xanh đỏ đ giấy, đứa con trai mặc veston đúng müt. cả vại

mũ, can không thiếu phụ tùng nào, cõ con dâu áo dài quần trắng vắn tóc trần... bao quanh bà già nhà quê thuần túy ngồi sau gánh đậu phụ, cả một đêm ngày khó nhọc không kiếm được một số tiền lãi bằng số tiền quả của mấy đứa cháu trong một buổi. Hồi ấy tôi không hiểu tại sao bà lại khóc khi giới thiệu con cháu với cả chợ và thầy tôi cần nhẫn khi bà không chịu dọn hàng về ngay dù đậu chưa bán hết. Bà chỉ đem đổi hết, chắc là đổi thật rẻ, cho các học hàng lấy quả bánh, cá, thịt để chuẩn bị một bữa cơm trưa cho con cháu. Trong căn bếp vách đất các bếp rom cháy bùng tỏa đầy khói xanh, là tôi xụt xịt cầu cứu mẹ tôi vì thầy tôi nhất định xin bà thôi đừng làm nghề đậu vắt và nữa — thầy tôi sẵn sàng hàng tháng gửi về cho bà một số tiền gấp mười lần tiền lời của nghề bán đậu, hoặc là mời bà ra ở với các cháu hưởng tuổi già. Bà tôi không chịu nhận giải pháp nào cả, ra thành phố với con cháu cũng không và bỏ nghề cũng không nốt. Bà kể lẽ dài dòng và

mặc dù lời hứa trình trọng của thầy tôi là sẽ mua tặng bà mấy con lợn giồng khac, ba vắn ngồi khóc cạnh chuồng lợn như thường — bà tiếc vốn bỏ ra, bà thương những con lợn chăm chút ngày đêm...

Có gia đình tôi về ở, ngân sách chi tiêu hàng ngày dĩ nhiên do mẹ tôi lo. Và mỗi ngày đều có cảnh bà suýt soa tiếc tiền khi mẹ tôi xách làn đi chợ. Mẹ tôi vắt và lăm mõi thuyết phục được bà đừng có tích trữ những món ăn thừa quá lâu, đến gần như thiu thối. Bà nhúng dũa gấp vài miếng thức ăn ngon, suýt soa than thở: Mẹ mày cho chúng mày ăn như thế thì đói đến nơi, các cháu ơi... Bà kêu ca ghê quá đến nỗi sau cùng mẹ tôi đành tổ chức ngày ăn hai bữa thôi như miền quê, bữa sáng ăn chín giờ, bữa chiều ăn năm giờ. Nhưng buổi trưa thường là chúng tôi đói meo nên hoặc chạy ra chợ ăn quả, hoặc mẹ tôi luộc khoai hay ngô: rút cục vẫn là ngày ba bữa cơm nhưng đầy trực trực với những lời kêu đói của bọn tôi. Khi thầy tôi cũng tản cư về, mọi sự được điều

phụ gánh hàng ra chợ từ lâu. Ăn sáng xong, Lam và tôi cầm mỗi người một cái gậy tre đeo gọt côn phu, đi chơi lang thang khắp vùng, mỗi hôm thám hiểm một phía — nghĩa là ra khỏi làng, đi đại vào một con đường đất nào đó và cứ thế mà đi cho khi nào thấy đói bụng thì về... chợ. Bà tôi bao giờ cũng sẵn sàng lật cái mặt che thúng lên, ở dưới đương nhiên là có sẵn quả bánh mà hai đứa em gái tôi, ít đi xa, đã thanh toán ít nhất là một nửa rồi. Bà thường hãnh diện khi các cháu bà ăn quả do bà mua cho và nói với bạn hàng chung quanh: Tôi lãi bao nhiêu là mua cho các cháu hết... Trong đời, chắc chưa bao giờ bà lo và vui đến thế. Lo vì thấy chúng ăn nhiều quá sợ có lúc... đói không có gì mà ăn. Và vui thì thật dễ hiểu: con cháu về đây đủ bà lại biết bao năm thầy tôi phiêu bạt để bà thui thủi một mình.

Trong mấy anh em, tôi là đứa bản chất tò mò nhiều nhất. Dĩ nhiên là tôi hết sức muốn biết xem bà chế tạo đậu ra làm sao. Nắn nỉ mãi mẹ tôi, mẹ mới chịu hứa thức tôi dậy lúc ba giờ sáng để xem bà làm đậu và cũng phải đến đêm thứ ba, tôi mới tập trung đủ nghị lực chui ra khỏi ổ rom ra "xưởng chế tạo" của bà tôi đặt ở chái nhà sát ngay cổng vào. Tôi ngồi thu lu cùng Lam — không hiểu sao Lam cũng thức dậy theo được — cạnh lò đập bằng đất, chằm chú theo dõi công việc làm đậu. Thịch thịch nhất khi bà tôi đã gói đủ gói bằng vải đựng chất liệu cho vào khuôn gỗ, nặn từ từ, nước ào ra thơm phức. Bà tháo khuôn, mở các vải bọc, bây giờ đã thành hình chữ nhật: những miếng đậu nóng cần vào muống rụng rãng luôn. Lam coi đến đây là lại chui vào ổ rom ngủ tiếp, tôi ngồi cạnh bà, hốt hân lung tung, bàn tán cùng người phụ việc cho đến khi trời sáng, mang ấm nước sôi vào pha ấm trà sớm cho cả nhà uống, trong lòng hân hoan và khoan khoái như đã làm được điều gì phi thường.

Tiết trời mỗi ngày một lạnh thêm. Tôi và Lam thôi không làm những chuyện đi chơi xa nữa: các khu vườn vài chạy dài hai bên đã bắt đầu rụng lá, những chiếc lá vàng úa rơi là tà phủ đầy dần cỏ úa, đất khô trắng. Hai anh em thích xô dạp treo vào đầu gậy để đi chân không chạy trên lớp lá khô mát lạnh, tan vỡ dạp nát êm ái dưới da lòng bàn chân. Khi mỗi một, hai đứa ngồi xuống bờ đất hay nằm dài luôn trên lá, miệng ngậm một cọng cỏ dài. Lam đã bắt đầu vào tuổi dậy thì, nói với tôi về một vài người đàn bà đẹp đã gặp trong vùng, còn tôi vẫn nghe, trong lòng xốn xang một thao thức mơ hồ. Trên đường về nhà xuyên qua những vườn cây, con đường đất nhỏ và cao, có hai người con gái mặc quần áo toàn một màu trắng xấp xỉ tuổi hai đứa tôi đi ngược chiều trở lại. Trời nắng ấm, gió nhiều làm lá cũng như hai mái tóc dài bay tung. Hai anh em say mê ngắm, không gian không có bóng người nào khác ngoài bốn người trai gái ở tuổi đầu tiên vào đời đang tiến mỗi lúc lại gần nhau. Đường quá nhỏ, người con gái lớn nắm tay em nhẩy xuống ruộng cỏ bên lề tránh lối. Lam và tôi đi qua rồi dừng lại. Lam nhìn tôi cười và tôi cười lại: lần đầu tiên trên đời tôi ý thức được thế nào là một người nữ và sự khá dị yêu đương giữa trai và gái trên thế gian. Sự kiện hai người con gái phải tránh đường, dù dặt dẹo sợ vô cơ như thế, trong một không gian của vùng đất lá mùa đông nắng ấm, cũng làm tôi cảm thấy bản chất của người nam trong cuộc đời đang mở rộng dưới từng bước chân đi.

Chưa hết tháng hai của mùa đông, chiến tranh lan rộng, gia đình tôi di cư đến một làng xa hơn đã dự tính từ trước. Bà tôi không chịu đi theo. Bà tiễn con cháu ra tận đầu làng, đưa vạt áo nâu bạc trắng lên lau nước mắt. Gió buổi sáng mùa đông thật lạnh.

Trở về thành, xuống Hải phòng cư ngụ vài năm, gia đình tôi mới trở lại Hà nội. Nhận được tin báo bà tôi đã về làng từ lâu và vẫn mạnh khỏe, tôi



tôi chỉ nhớ có mỗi một ý chính vì được nhắc đi nhắc lại nhiều lần: cứ để bà làm đậu giành dụm tiền vì thế nào cũng năm trời làm đói kém, thầy tôi sẽ có lúc không nuôi được các cháu đủ no. Đây không phải là một lý luận nữa mà là một ám ảnh của những người dân miền quê châu thổ Hồng hà: sợ đói. Nỗi sợ này mạnh đến nỗi bà tôi cứ kháng kháng bám lấy nghề làm đậu và trồng tía máy thửa vườn trái vải, để dành từng chút tiền để phòng cho cháu... có gạo ăn, mặc dù bà biết rõ thầy tôi có nghề nhiều lợi tức và mẹ tôi đã được bà ngoại hứa cho cả một căn trại và nhiều mẫu ruộng.

Không những thầy tôi chịu thua bà, bà vẫn giữ nghề khó nhọc cũ, mà còn lăm lúc tức điên lên. Gửi biểu bà cái gì bà cũng để dành hết. Gửi vải về, hai năm sau bà còn cất nguyên trong tủ. Gửi thực phẩm về, bà xấy bà phơi. Một hộp bánh bích qui gửi về cúng Tết, sang tháng ba tôi về chơi còn được bà mang ra cho ăn. Và khi nạn đói dữ dội 1945 xảy ra, bà cứ ít hôm lại cho người mang ra hoặc gạo, hoặc khoai—mặc dù anh Lam đã được cử về để nói với bà là bà thiếu ăn thì thầy mẹ tôi tiếp tế.

Thầy tôi làm báo nên biết khá rõ tình hình thời đó. Ông quyết định cho mẹ tôi mang hết con cái về ở với bà từ mấy tháng trước khi Kháng Chiến bùng nổ — quê ngoại, quê mẹ tôi nằm ngay sát thiết lộ Hà nội Hải phòng quá nguy hiểm. Đối với chúng tôi, quả là một kỳ nghỉ hè đầy hào hứng. Những con đường làng lát gạch đỏ mát rượi, cánh đồng lúa đầy cào cao châu chấu và diều sáo vi vu, những con đường đất mịn không cần phải đi giày, chiếc áo bào xanh mượt, chuồng lợn bao giờ cũng có mấy con ỉn ỉn. Có một lần, mẹ tôi đã phải tức tốc đi cùng tôi về thăm bà chỉ vì một nạn dịch làm

chính lại, ăn ngày ba bữa với giờ giấc thường lệ của thành phố, và hậu quả đương nhiên là bà tôi lại lên tiếng kêu ca thầy mẹ tôi tiêu tốn, chết đói đến nơi.

Dĩ nhiên là bà tôi vẫn làm đậu và làm chăm hơn xưa: dân thành phố tản cư về ở đây vùng, tiêu thụ rất nhiều thực phẩm và chợ quê nhỏ êm đềm đã biến thành một chợ ồn ào, phát triển gấp mười lần thường với đủ loại hàng hóa, nhất là hàng quả. Ngày phiên chợ, chẳng nhớ bao lâu một lần, hóa thành một ngày hội của cả vùng. Từ người dân địa phương cho tới những người tản cư, không ai không đi ra chợ ít nhất một lần trong ngày. Đoàn ông kiểm gấp bạn bè kéo nhau đi uống trà troi, uống rượu với bè thui hay lòng lợn tiết canh, bàn chuyện kháng chiến, tình hình chính trị, rủ rờ kết đoàn đi thăm các làng xa nghiên cứu địa điểm tản cư tương lai một khi quân Pháp tiến đến vùng này. Đàn bà còn ồn ào hơn, mua bán, gặp bạn bè, và dĩ nhiên là có khoản tụ họp quanh những hàng bún riêu bốc khói cay xè. Trẻ con áo xanh đỏ túi đầy kẹo vừng kẹo bột chạy tứ tung, la hét cười đùa. Vào những tháng mớ đầu của kháng chiến, ai cũng còn tiền dự trữ và đều tin tưởng chiến tranh sẽ chấm dứt trong không bao lâu.

Bà tôi thức dậy lúc năm giờ sáng, sở đậu sẵn xuất bán hết lúc tám giờ. Bà thức dậy làm hàng sớm hơn một tiếng nữa, hàng bán hết lúc chín giờ. Ham quá bà thức hơn nữa, lúc ba giờ đêm và dù có thêm người phụ, thầy tôi cũng nhận thấy đã đến lúc phải can thiệp — nếu không, bà dám làm đậu từ nửa đêm hôm trước. Trời vào giữa mùa đông rét công, nhà tranh vách đất không ngăn được khí lạnh nên bọn tôi chui vào ổ rom đắp chăn là ngủ rất say. Sáng sớm gà gáy khản cổ, mặt trời lên rồi mới thấy gió mát thổi vào.

... và ngay tôi cũng phải vất vả lắm, đôi không biết bao nhiêu lộ trình, mò mẫm trong vùng là rừng nhiều mới kiếm được một con đường quen thuộc dẫn về làng. Con đường này dẫn thẳng về ngay chợ. Tôi đứng xe ven bờ đất cao nhìn xuống khu chợ ngày xưa: tôi ngần ngại khi thấy không có gì thay đổi, hình như chiến tranh và thời gian đã không hề ghé qua nơi chốn này. Và bà tôi vẫn ngồi chỗ cũ của bao năm, sau gánh đậu, nhưng mái tóc đã hoàn toàn trắng như cước và lưng đã cong.

Bà đã già hơn xưa, yếu đi rất nhiều, ngại đi chuyện xa nên tôi cùng hai em gái lớn thay phiên nhau về luôn cùng mẹ tôi. Tôi thường chỉ ở lại một buổi sáng, đợi bà bình xong hàng, bây giờ vùng quê trở lại bình thường, hàng làm rất ít mà bán đến trưa mới hết. Theo bà trở về nhà, hai bà cháu ngồi trong bếp. Người bà già thối cơm làm món ăn cho cháu ăn, tôi vợ vẫn nhìn quanh quẩn, tay dứt mở rơm vào bếp. Hầu như bữa ăn trưa cô quạnh nào bà cũng xụi xịt khốc. Biết những truyện vui của gia đình tôi bà cũng khốc rồi và vẫn cứ lo cho mấy đứa cháu bị đói. Âm ảnh này lên đến mức một lần đang ngồi với bà ngoài chợ, bà cả quyết là thầy tôi kiếm bao nhiêu tiêu hết để chúng tôi thiếu ăn, chứng cứ là tôi hay về đây... Khi tôi hết ngạc nhiên về cái lại rằng những chuyện thăm viếng của các cháu chỉ vì nhớ bà nhớ quê mà về, bà bà lên khóc và phân vua với tất cả chợ. Bà kể về với nhiều người là: các cháu nó thương tôi nó về, không phải vì đói kém gì đâu... Hôm đó tôi cũng ngượng ngùng nên về nhà bà trong làng rất sớm chứ không đợi bà bán hết hàng. Ngồi trong nhà khá lâu, quen bóng tôi, tôi mới nhận ra một cổ quan tài đã được mua về để sẵn gian bên. Những ảnh chụp chúng tôi từ lúc bé tới giờ gửi về, bà lồng kính treo la liệt trên cột gỗ. Nghĩ tới cái chết sắp đến của bà, tôi không thấy buồn cho lắm. Trong lòng chỉ thấy một thứ đau hiu, như tiếng sáo diều, như nhìn một lá khô dần sắp rụng trên cỏ úa.

Nhưng bà tôi sống rất lâu, các đứa em gái lớn của tôi đã có dịp về thăm bà và cô quan tài để sẵn đang ghê ấy, ở lại sống với bà nhiều tuần trong căn nhà tranh vách đất ba gian hai chái trước một ao bèo xanh um. Tôi đã biết bao lần được nhìn thấy khói xanh chờn vờn tỏa êm lảng từ mái bếp lên, tan chậm chạp trong không gian im vắng có tiếng vọng đưa ru em từ một căn nhà nào thôn quê, mới tới vụ chia đôi đất nước. Và đương nhiên là bà tôi không chịu theo gia đình con cháu vào Nam. Tin tôi tin lui, bà vẫn không chịu ra Hà nội. Tôi, đứa cháu thương bà nhất, lại lấy cái xe đạp ra lên đường về quê với nhiệm vụ là thuyết phục bà ra đi cùng với chúng tôi. Một nhiệm vụ thất bại biết trước. Tôi biết bà sẽ không đi nhưng tôi không thể không về nói một lần chốt. Và lời cuối cùng tôi còn nhớ trong buổi

bà cháu gặp nhau ấy, vẫn là liên quan tới đôi... "Trong Nam kỳ gạo lúa nhiều cơ man, các cháu khỏi lo đói là bà yên dạ rồi. Bà chẳng còn sống bao năm bà ở lại cho gần ông gần họ hàng.

Sau một thời gian sống ở Saigon, tôi thấy nhớ Hà nội vô cùng. Quê hương tôi là đó và người yêu tôi còn ngoài đó. Saigon xa lạ, Saigon ồn ào, tôi đánh bạc, tôi truy hoan, tôi đi thăm miền tây miền đông và tôi vẫn nhớ Hà nội biết bao. Thành phố mà tôi đã lớn lên đã yếu dần dần... Tôi quyết định trở lại Hà nội. Vào thời kỳ này, chính quyền ngoài Bắc chưa tiếp thu Hải phòng, tôi còn ra được. Dĩ nhiên là đi đầu gia đình — chỉ có một người bạn thân duy nhất được thông báo quyết định của tôi để đến Tết năm nay, đến chiều ba mươi rồi không thấy tôi về, sẽ báo sự thực cho mẹ tôi biết. Khi máy bay cất cánh đưa tôi trở về miền quê hương phía bắc, tôi tự nhủ sẽ thuyết phục trước hết là gia đình người yêu của tôi, rồi bà nội tôi hãy theo tôi vào nam. — trong ý thức khá rõ là rồi tôi sẽ thất bại trong cả hai...

Lúc đó đang vào mùa đông, gió thổi thật lạnh cóng khi tôi vào các cơ phận tháo rời của chiếc xe đạp xuống sân bay Hải phòng. Tôi không mất bao nhiêu thì giờ kể từ khi ngồi ráp chiếc xe lại cho tới khi đặt chân xuống ga Hà nội. Khi tàu chạy qua cầu Long Biên, tiếng cơ khí vang ầm, tôi đã ngần ngại nhìn xuống dòng sông đỏ bất cứ thẳng chạy dài mà buồn: tôi biết rằng rút cục thế nào tôi cũng phải rời bỏ nơi này. Quê tôi nhưng quê hương sẽ không còn là quê cũ nữa. Một xã hội mới, một nếp sinh hoạt mới đang hình thành, trong đó không có chỗ cho những người như tôi.

Thời tiết lạnh. Khi rời miền Nam, tôi đã quên mất mùa đông nên không mang áo ấm theo. Người bạn thân tôi trú ngụ cho mượn một cái áo lính trận rộng thùng thình, và đêm xuống, tôi đạp xe qua các con đường quen thuộc tới nhà người con gái tôi yêu thương từ phũng ngày rất nhỏ khi hai đứa cùng sống trong căn làng hai bên nước phủ. Nàng ngạc nhiên, nàng cười, đôi mắt sáng nhỏ cong lên mà hoặc. Tôi hỏi bởi và dứt đất, cầm tay nàng. Nàng mười bảy tuổi, nổi tiếng như một hoa khôi, thường hay hát trong những buổi kịch nhạc và quen thuộc với những đàn ông theo đuổi. Tôi hơn nàng có hai tuổi, vụng về mọi mặt và chỉ thắng những bạn trai khác của nàng ở một điểm: tôi là người tinh từ thuở ấu thơ của nàng. Tôi mất cả buổi tối hôm đó để thuyết phục một cách vô vọng ba nàng đi cư vào Nam. Chế độ mới đang tìm đủ cách để giữ dân ở lại, nhất là dân Hà nội. Thành phố cứ như mở hội hoa đăng... Hậu quả là chẳng những ba mẹ nàng không hề tin ở những tiên đoán bi thảm của tôi về số phận những người trí thức và tiểu tư sản ở lại, hai người còn thuyết phục tôi ở lại. Gia đình bên nàng và gia đình bên tôi đã quá quen thuộc với ý tưởng hai đứa sẽ chắc chắn lấy nhau làm vợ chồng, đến nỗi sự kiện tôi trở về đây một mình không hề là một trở ngại. Nàng của tôi đã được mẹ bảo xuống thu dọn cho tôi một căn phòng riêng tầng dưới. Tôi không dám quay lại nhìn nàng bởi vì tôi biết nhìn vào đôi mắt ấy lần nữa, tất cả các quyết định đã có của tôi sẽ tan thành thình không, theo gió đang thổi vào ngoài kia.

Tôi xuất trình thẻ học sinh cũ và được phép đi học lại — tôi tò mò muốn biết chương trình giáo dục mới ra sao. Và vì thế tôi là một trong vài học sinh của cả hai trường trường trung học Chu văn An ở hai miền sắp cách nhau bằng một bức màn tre rù xuống ven một con sông và một cuộc chiến khốc liệt nhất trong lịch sử. Tôi vừa nghe giáo sư Sử Địa mặc áo trắng thắt cao vạt giảng về Trận Đống Đa dưới mái trường Chu văn An Saigon, và bây giờ tôi được nghe một cán bộ giáo dục mặc áo xanh bốn túi đi dép bình tri thiên giảng dạy về cũng đề tài ấy. Mãi sự khác biệt thật xa biết bao: chân dung Nguyễn Huệ miền Nam không giống chân dung Nguyễn Huệ của miền Bắc và trận Đống Đa được cắt nghĩa với những luận cứ dị biệt hẳn. Nhưng tôi, ngồi trên ghế dài

của trường cũ, tôi biết rằng chỉ có một Nguyễn Huệ và người anh hùng này là người Việt nam.

Nhưng tôi học thì ít, đi chơi thì nhiều cùng các bạn bè. Họ cũng như tôi đều biết rằng thế nào tôi cũng ra đi, và mọi chuyến đi thăm mọi thắng cảnh của tôi đều chỉ là những chuyến đi lưu niệm. Chùa Thầy, Chùa Trầm... và cả đến chùa Hương nữa vào mùa hoa mơ đang nở ngập các thung lũng nhỏ và các sườn núi. Mấy người bạn đi cùng đều có người yêu vào Nam đã lâu, ngược với tôi, nên lãng mạn tính nổi lên, hết sức chăm chút cảnh mờ tối ngất trộm mang về cho nàng của tôi. Mặc dù những cố gắng vượt bậc, những bông hoa mơ của núi xa không chịu được hơn bảy mươi cây số di chuyển bằng xe đạp, đã rụng dần từng cánh từng bông trên con đường trải đá. Đêm đến, khi nàng hỏi hoa đã hứa đâu và khi tôi cho biết chỉ còn cánh không vút bỏ ngoài cửa ở Hà nội rồi, nàng đã trách: Sao không mang cánh không về cho em!

Sao không mang cánh không về? Tình yêu của tôi đó, những cảnh mơ không khiêu trụy hoa. Nàng có lý hơn tôi. Đáng lẽ tôi phải mang cánh không về thôi bởi vì khi nàng nhìn vào như một người nữ đang yêu, sẽ có hoa nở đầy trên đó. Nhưng tôi đã sợ hãi đã e dè trước cảnh tro trụi, như tôi đã ngần ngại chưa về thăm bà. Tôi có nói về làng Bằng rất nhiều với nàng, vùng quê vào thời tiết này trong năm lá rụng đầy trên đất các khu vườn vại.

Nhưng mùa đông đang qua gần hết, hạn kỳ tôi dự trữ lưu lại miền Bắc sắp tới, tôi phải về quê tôi với bà. Chưa bao giờ tôi đi xa chuyện náo lại nhà đến thế, tôi đứng ở bất cứ quán nước ven đường nào cảnh trí đẹp, bất cứ bờ cỏ nào còn xanh có hao đỏ chói trong bụi. Nhưng rồi tôi cũng về tôi dùng đất là. Các vườn trồng cải xanh hoa vàng đã nở đầy, bướm trắng bay từng đàn khinh khoái trong nắng mùa đông. Tới ven làng, tôi đứng lại trên một bờ đất ngăn đôi một bên là các ruộng cải cao gần ngang đầu đầy bướm vàng và hoa trắng, bên kia là những thửa vườn vại là đang rụng từng đợt theo gió. Tôi buông tay cho xe đạp đổ kênh, nằm luôn xuống cỏ, nhìn trời nhiều mây, nhìn hoa vàng và bướm trắng rung rinh, và thiếp ngủ đi trên lá khô.

Thần thơ trong căn nhà tranh của bà, tôi đi thăm từng góc cạnh. Góc cây nhãn trước bờ ao còn nguyên vết khắc chữ đầu tên tôi, thêm đất trước hè còn hằn vòng tròn chơi bi của tôi và Lam trong năm đầu của cuộc kháng chiến dài biết bao và mới vừa chấm dứt. Tôi ngả người trên vông đan bằng các sợi gai thô, ánh sáng xanh vì bị lọc qua các tàu lá chuối mọc sát hè. Quả thật tôi đã có lý khi không chịu chấp nàng đi theo. Chắc chắn tôi sẽ hôn nàng trong đám cải xanh hoa vàng đầy bướm lượn, trên lớp lá vàng khô. Và trong căn nhà của bà cũ kỹ mục nát này, tôi chắc sẽ dám làm điều tôi không bao giờ nghĩ tới khi ở ngoài thành phố: tôi sẽ đòi và đòi được dễ dàng thân thể nàng cho riêng tôi và cho mãi mãi.

Như thế không được, tôi thì thảo với tôi. Tôi muốn trở về Nam. Miền xa mưa nắng hai mùa ấy không phải là quê hương tôi, nhưng nơi đây, quê hương đích thật của tôi đang biến đổi... Tiếng khản yếu đuối của bà tôi đã vang lên đầu gối xen lẫn với tiếng thanh của một đứa cháu gái họ xa. Bà sắp trông thấy tôi, bà sắp khóc vì mừng, bà sẽ hỏi về miền Nam thừa lúa gạo để nuôi các cháu của bà dù no ấy, nhưng rồi sẽ không theo tôi ra đi. Mái tóc bạc trắng như tuyết của bà đã hiện ra sau hàng rào gang sắt nhà và tôi biết rằng chiều nay tôi sẽ băng qua vùng đất là một mình. Trong những tháng năm xa sẽ có ngày nhiều gió và không nắng, tôi ngần ngại nhìn nhìn mây' nhô đến bà, muốn thấp một vài nền hương tường niệm mà không được. Thật xác bà đã trở về với đất, và những lá cây trong vườn vại của tiếng bà rụng lên trên mộ vào một ngày nào trong năm. Ngày nào trong năm? Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được nữa. Δ

— DẦU CHIẾN TRANH, DẦU KIẾM ƯỚC,
CHUNG TA CŨNG PHẢI DẠY DỖ CON
CÁI CHÚNG TA CHO NÊN NGƯỜI

HÃY TÌM ĐỌC:

TÂM LÝ NHI ĐỒNG

Bản dịch:

Giáo sư LÊ THANH HOÀNG DÂN

Giáo sư TRẦN HỮU ĐỨC

— QUYỀN SÁCH «GỐI ĐẦU GIƯỜNG»
CỦA NHÀ GIÁO

— QUYỀN SÁCH CỦA MỌI GIA ĐÌNH

TIẾNG LỆ : Làm sao quên được hồ anh, tôi im lặng. LỆ nói sao anh im lặng mãi, tôi nói thế LỆ không nghĩ là anh sẽ quên LỆ sao. Mưa quất vào mặt, tóc LỆ tung lên, tôi biết LỆ cố gắng để khỏi bật môi, nằng khốc, nhưng biết làm sao, tôi không thể để nằng cứ đến với tôi hoài trong lúc nằng cần phải giữ gìn, LỆ đứng gần tôi quá LỆ không thấy tôi chỉ là một kẻ đưa đường, cái quan trọng của đời nằng chính là chỗ nằng trú ngụ, tôi đã làm cho LỆ buồn và tôi cũng chẳng vui gì hơn LỆ em không thấy sao, sao em không thấy những người khác, chúng ta có ai cố cho chính mình đâu. LỆ bỗng nói : Anh làm LỆ buồn quá tôi quay lại. LỆ không đi nữa, nằng đưa mắt nhìn tôi, những hạt mưa xuyên qua tóc chảy xuống mặt nằng một thoáng, LỆ đưa tay ra, tôi nắm lấy tai nằng và bóp chặt, một vài giọt nước nóng rơi xuống, tôi nói thôi anh đưa LỆ đến đây, LỆ về đi tôi mai dừng đến nữa, anh cũng về, LỆ nhìn tôi một chốc, tôi cũng nhìn LỆ, bỗng nằng rút nhanh tay ra khỏi tay tôi rồi vội vã bước đi, bất chợt tôi thấy bóng nằng nhòa đi trong một giọt nước.

Tôi tự hỏi tại sao tôi không thể cưới LỆ, nằng là một người hiền từ và dễ thương, ý nghĩ của tôi chần chừ quá thành muộn mất, chuyến xe hoa gọi lại một vài kỷ niệm, hàng cây dài và những lần đi trong chiến hoang rồi đây chắc tôi phải bỏ hết để làm lại từ đầu, chắc tôi phải không chần chừ nữa. Tiếng xe buổi chiều nghe buồn bã, những hạt bụi tung lên trong ánh sáng, chắc đã có lần em đi trên chuyến xe này hồ LỆ hồ.

Bước vào rạp ciné gặp một thằng bạn định chào nhưng lại thôi, cuốn phim không còn hay và đã coi một lần, đành cúi xuống gác chân cổ ngữ. Tiếng súng tiếng la hét, có một giọng nói xin lỗi anh cho tôi đi qua tôi ngờ ngác mờ mắt, dáng một người con gái trông mờ đứng phía ngoài tôi bỏ chân xuống, người con gái đi qua nằng nói cảm ơn, đây ghế em lạng có lẽ đang trong một cảnh hồi hộp. Khi mọi người đứng dậy có lẽ tôi cũng vừa mờ mắt, người con gái bước qua nằng cười, một vài người bước qua, tôi ngồi xuống đợi mắt, người con gái ngoảnh mặt lại nhìn thành ghế trống không trông, ngờ ngác, một vài cái chệnh vênh như cái rặng khèn của người con gái, không của LỆ nữa, tôi ngồi lại cho đến khi như có người tiến lại gần, tôi đứng dậy và thấy một cái khăn rơi xuống, tôi cúi xuống lấy lên và nhét vào túi quần, Thành phố như sáng hơn trước, khi băng qua đường tôi nghe tiếng xe nổ máy to, tiếng phanh một cái gì dừng mạnh làm tôi ngã xuống đường tôi cố đứng dậy nhưng cảm thấy đau ở tay và cẳng, một vài người đứng bao quanh hỏi tôi có cần chi không, một thanh niên ấp úng nói xin lỗi tôi nhìn xuống tay và thấy nhiều vết đỏ, khi có tiếng còi của người cảnh sát tôi mới nhớ và thọc tay vào quần rút ra cái khăn, tôi rửa mạnh một vài người cầm lấy và bước ở tay tôi. tôi nhìn họ rồi nhìn thanh niên và lắc đầu, thanh niên định nói một cái gì, tôi đưa tay ra dấu cho anh ta im lặng rồi ra dấu chào mọi người và bước đi, cái khăn màu hồng bây giờ đã ngã sang đó, tôi nghĩ đó là cái khăn của người con gái trong rạp ciné.

Buổi sáng LỆ đến rất sớm vì khi tôi thức dậy tôi đã thấy nằng ngồi trước mặt và khăn tay buộc vết thương màu đỏ đã được thay bằng cái khăn màu trắng, LỆ nói anh ngủ mê quá. Tôi gượng dậy nhưng đụng phải cánh tay sưng vù nên đành nằm xuống, tiếng LỆ hỏi vì sao có vết thương ở tay, tôi nói là bị tông xe. LỆ lắc đầu. Tôi hỏi nằng sao đến sớm nằng lặng im một chốc rồi nói chiều nay nằng đi, bây giờ đến từ già tôi, tôi để cánh tay đau xuống chiếu và lấy tay kia nắn nhẹ, LỆ, em không thể có một người chồng như cánh tay này được mà anh lại là cánh tay đó, em không thấy sao cái ung thối nào cũng thừa thãi, tôi nói LỆ sẽ có một người chồng và người con gái nào cũng đi qua con đường đó cả, quan trọng chưa phải là mình chọn một người chồng, quan trọng chính là mình làm cho

người đó bằng lòng hay không, anh hay một người khác là LỆ, LỆ cũng là một người vợ, sao LỆ cứ buồn, LỆ im lặng, nằng khốc, có lẽ nằng nghĩ tôi không an ủi chi nằng cả, nhưng an ủi làm sao được LỆ anh không thể để em đi mà còn lưu luyến anh không thể làm hại em, anh chỉ là một tạm bợ anh muốn nhắc lại một lần nữa.

Khi tôi thấy cánh tay không còn cảm giác nữa và muốn quay mình thì LỆ đứng dậy, LỆ nói thôi LỆ về, tôi nói LỆ cứ làm như nhà đã định, anh không còn cách nào hơn có lẽ anh và LỆ không còn gặp lại nhau nữa. LỆ đứng một chốc rồi nằng bước đi.

Ông bác sĩ nói với tôi vết thương bị nhiễm độc đã để quá thành bị sốt, tôi cố gắng đứng dậy chào với cái đầu nóng như lửa. Tôi bước lên xe thì vừa vận rớt xuống nệm, anh tài xế vực lên, tôi ra dấu cho anh ta lái đến tiệm thuốc bằng cách chỉ vào cái đơn bác sĩ, anh ta gật đầu.

Tôi uống hai viên thuốc rồi ngã người xuống giường kéo mền lên tận cổ, đầu nóng mà chân thì lạnh run, cánh tay đau kinh khủng. Con sốt kéo dài đến tuần thứ hai, tôi muốn đi bác sĩ một lần nữa nhưng thấy người quá đã đuối và mệt lã, lần lúc tôi tự hỏi tại sao tôi không thể cắt cánh tay này như đã cắt lia với LỆ không, tôi nói, không, anh không cắt lia với LỆ bởi anh không thể cắt lia



trời đã về chiều

cánh tay này, cắt lia với LỆ chỉ ở trong ý tưởng có lẽ suốt đời anh không thực hành được. Vết thương ngưng mủ và đóng vảy tôi đưa tay khảy lên một chút vàng và xanh-bạc ra, kể đó là máu, tôi để mạnh.

Con sốt thuyên giảm từ khi tôi nhận được điện tình của cha mẹ gọi về dự đám cưới chú Quang ngày 18; Vết thương không còn đau như trước nữa, tôi nói LỆ, em sẽ có một người chồng như chú anh sắp có một người vợ, có gì đâu phải không em, có gì đâu.

Ngày 16 đã lành hẳn nhưng tôi thấy vẫn chưa khỏe mạnh, nên còn chần chừ chưa về, Nha Trang chắc không còn rất nhộn nhịp trong thành phố, xa nó mấy năm rồi còn gì, thằng Huyền chắc đã lớn, có lẽ hẳn sẽ mừng khi tôi về, năm xưa tôi thường hay đánh hân vì hân hay làm trật toán, mẹ tôi thường la vì tôi đánh hân quá dữ, bà cũng vậy, LỆ, anh rất nóng nảy, em đừng nên có một người chồng như vậy chắc anh không còn ân hận để em bước qua. Không tôi phải không ân hận có gì đâu, có gì đâu phải không em.

Ông chú cho nghỉ nửa tháng, ngày 20 tôi đi, như vậy tôi còn 5 ngày nữa để trở về, thời gian có hơi chật vật, nhưng không sao đâu muộn màng cũng còn được hơn không.

Khi người tài xế nhờ tôi đóng lại cánh cửa thì ông nói rồi và tôi thấy một cơn gió phớt qua mặt, chiếc xe trườn lên, đồi núi đồi đông cổ núi dưới nhau chạy lui cùng với cát bụi của chiếc xe trước mặt, tôi thấy muốn ngủ,

LÊ ĐẠI TÂN

Đến nhà vắng tanh, con chó ngoe ngáy đuổi, tôi nghĩ thằng Huyền chắc đang ngồi học. Gặp mẹ tôi sau vườn, bà quá mừng nói tưởng tôi không về được, tôi nói con vừa đau dạ dày mẹ à, mẹ tôi nói tôi không lo chi cho sức khỏe cả. Căn nhà vẫn còn giấu bí tuy có vẻ xác xơ hơn trước, mẹ giục tôi vào nhà và hỏi tôi ăn cơm gì chưa, tôi nói dạ và hỏi bà, mẹ nói đi làm rồi, tôi hỏi thằng Huyền, mẹ trả lời có vẻ buồn là hẳn theo chúng bạn chơi bởi lêu lổng không lo học hành, tôi bỗng thấy buồn, ngày xưa mẹ tôi thường nói thằng Huyền có lẽ nhờ được hơn tôi vì hẳn không phung phí, bây giờ mẹ già hơn trước chắc vì hẳn làm mẹ buồn. Tôi hỏi nhà của chú vẫn ở chỗ cũ mẹ à, bà nói ừ, tôi nói con đến nhà chú một xiu rồi trở về.

Gặp chú Quang ngày từ ngoài cổng, chú mừng rỡ hỏi tôi sao về muộn tôi trả lời vì có nhiều việc phải làm thành về trễ, xin chú tha lỗi, chú nói tôi khách sáo quá. Người vợ vừa cưới của chú là một người đàn bà trẻ 37 tuổi, với gương mặt vuông và trắng tôi nghĩ hồi nhỏ chắc bà cũng đẹp, bà chào tôi khi chú chỉ tôi và nói đó là thằng cháu. Tôi nói bữa đám cưới vui chú há, chú nói rất vui, buồn chỉ vì thiếu tôi, tôi hỏi chú còn làm việc ở chỗ cũ, chú nói ừ. Người đàn bà vợ mới cưới của chú đem lên hai tách nước và một hộp bánh, tôi nói thêm bày về quá cháu như người ở trong nhà, chú cười nói hôm đám cưới không có cháu chứ phần của cháu đó. Chú mở hộp bánh và mời tôi, tôi chần chừ, chú nói hồi xưa tôi rất lâu ăn, tôi cười.

Ngày thứ tư gặp thằng Hiền ngoài phố, tôi ngạc nhiên hỏi hẳn mấy ở Sài Gòn mà, hẳn nói ừ nhưng phải về đưa đám Vinh, tôi hỏi Vinh nào hay Trần nguyên Vinh há, hẳn gật đầu, tôi hơi sửng sốt là Vinh vì sao chết, Hiền nói chết trong một trận đánh cách đây 4 ngày ở gần biên giới, hẳn tiếp điều buồn khổ nhất là Vinh vừa cưới vợ, ở được một tuần đi lại thì chết, tôi lắng thính, một người đi đụng vào tôi và xin lỗi, tiếng Hiền, thế mấy sao có mặt ở đây tôi nói về ăn đám cưới của ông chú và thấy hẳn cười chưa chất tôi hỏi khi nào đưa, hẳn nói mai và hỏi tôi có đi không, tôi gật đầu hỏi nhà của hẳn, hẳn chỉ và từ già tôi ngay sau đó.

Khi tiếng hát của một ca sĩ ở một máy thu thanh lọt vào tai thì tôi bưng tỉnh và bước qua đường. LỆ, Vinh đã chết, rồi có lúc anh sẽ giống hẳn, người ta sinh ra không phải chỉ để yêu thương mà để chết nữa, mỗi người một lần có gì đâu phải không em.

Tôi tìm nhà Hiền rất dễ dàng, hẳn đón tôi ở cổng và bảo tôi đi ngay.

Nhà của Vinh ở riêng một khu đất, tôi thấy có một cái vườn ở trước mặt. Khi vào nhà tôi nghe có nhiều tiếng khóc, gặp mẹ Vinh ở cửa tôi nói thưa bác, bà đáp lại và ngược nhìn bằng con mắt đỏ hoe, tôi bỗng nghĩ, không tôi không thể chết trước mẹ tôi được, không tôi phải không chết trước mẹ, bác, xin bác đừng cho con nhìn đôi mắt đó nữa, xin bác nhắm lại. tôi nói cháu là bạn Vinh cháu đến đưa Vinh đi, mẹ Vinh nói tôi vào trong.

Chú của Vinh nói Vinh bị mìn nát cả chân tay tôi thấy Hiền lắc đầu, có tiếng khóc tức tưởi và một người con gái vật mình ở hòm Hiền nói đó là vợ của Vinh, tôi bỗng thấy có một cái gì. Một vài người kéo người con gái lui để đưa hòm đi, tôi bỗng tái mặt : LỆ, tiếng Hiền mảy mị chi, tôi cố gắng nói là không bị chi cả, và nói hẳn ở đó tôi ra ngoài một xiu. Gió ở đồng thổi lên tôi thấy mát, chuyến xe về phố chạy tới, tôi nhảy lên, LỆ, anh không thể gặp em được nữa, chúng ta không có quyền gặp nữa nữa, anh hoàn toàn đã muốn mang, Ì

TỪ chỗ một thi sĩ trữ tình, lãng mạn, phe chính trị của thời tiền chiến, bỗng chốc vào cách mạng, Xuân Diệu «lột xác» phủ nhận con người cũ lẫn giá trị nghệ thuật đã đưa mình vào văn học sử; phủ nhận đề... đón gió chính trị, lao vào con đường chính trị. Nhưng về Hà nội, Xuân Diệu lại chối bỏ cái xác cũ, anh hùng tính nổi dậy, trả thù, chống đối lung tung. Và cuối cùng là chịu kiềm thảo, phân tĩnh, cầu xin Đảng «tha tội», hứa «lột xác» lần nữa, mới khỏi bị tù, đi trại cải tạo Tây Bắc.

Hú vạ cho Xuân Diệu. Chính vì thế mà một số bạn bè tiền chiến trách và giận Xuân Diệu, đã phê câu:

— Đúng là cái thằng vừa đón gió, vừa phản thù. Nhưng ngu, rồi cuộc sống bị tù và mất hết anh em.

Kết quả của sự đón gió, phản thù không những chỉ mang lại chừng ấy cho Xuân Diệu. Nó còn ảnh hưởng suốt cả đời Xuân Diệu sau này. Trước mắt là Xuân Diệu chẳng được Đảng cho đi thăm nước bạn lu bù như những văn nghệ sĩ khác. Thơ của Xuân Diệu cũng không được đưa lên Đài Phát Thanh ngậm, giết thiếu trong chương trình TIẾNG THƠ. Và cái tên Xuân Diệu thơ của Xuân Diệu cũng không được Đảng cho vào chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục miền Bắc. Chương trình văn học sử từ cấp hai, cấp ba phổ thông cho đến đại học TỔNG HỢP — VĂN, không hề có tên Xuân Diệu. Thơ của Xuân Diệu, may mắn lắm mới được một vài thầy giáo, cô giáo chọn làm «bài đọc thêm» ngoài chương trình. Chưa kể, một số bài tiền chiến bị lời ra đã kích phạm tẻ, hạ xuống tận đất đen.

Trong khi đó, thơ của bạn bè Xuân Diệu tuần nào cũng được trang trọng giới thiệu đều đều trên tiết mục TIẾNG THƠ. Và người nào cũng được Đảng dành cho một chỗ trong chương trình Văn học sử,

CŨNG trong những năm đầu về Hà nội, sự chuyển hướng của Xuân Diệu đã đưa người thơ về lãnh vực sáng tác. Trên đủ khắp các mặt báo, từ báo Địch đến báo ngoài như «Nhân dân», «Tiếng nói», «Văn nghệ», «Văn học», «Văn nghệ quân đội», «Thời mới» v.v... sáng tác của Xuân Diệu xuất hiện đều đều. Song song với việc sáng tác, Xuân Diệu còn tập hợp các tác phẩm sáng tác trong 9 năm kháng chiến, xin nhà nước in chung thành tập «NGÔI SAO» như chúng ta đã biết qua nội dung.

Cùng lúc, nhà nước muốn thúc đẩy phong trào văn nghệ «phục vụ xã hội chủ nghĩa» lên cao hơn, liên chỉ thị Bộ Văn Hóa và Hội Nhà Văn tổ chức một cuộc thi, chấm giải các tác phẩm sáng tác trong thời kỳ kháng chiến.

Trong lần chấm giải văn nghệ đó, danh sách Ban chung khảo được Đảng chỉ định vào thăm xét, có cụ Phan Khôi. Tại phiên họp đầu tiên của Ban chung khảo tại trụ sở Hội Nhà Văn, cụ Phan nửa đùa, nửa thật nhận xét:

— Trong lần sơ tuyển không có tôi nên tôi không thể phát biểu ý kiến. Nếu được phát biểu, tôi sẽ đề

nghị những tác giả có tác phẩm dự thi không được mời vào Ban Giám Khảo. Muốn có công bình và vô tư phải vậy. Chứ ai đời trong Ban Giám Khảo, ông Nguyễn đình Thi, ông Hoài Thanh, ông Xuân Diệu chăm giải cho ông Nguyễn đình Thi, ông Hoài Thanh, ông Xuân Diệu... chả trách tác phẩm của mấy ông đều được vào chung khảo.

Đến phiên họp cuối cùng, biểu quyết sắp hạng các tác phẩm, không biết sự việc xảy ra như thế nào, đề cụ Phan đã phải viết lên «PHÊ BÌNH LÃNH ĐẠO VĂN NGHỆ» đăng trong GIAI PHẦM MÙA THU 1956 — nhận xét về thơ kháng chiến của Xuân Diệu như sau:

«... Tôi phản đối tập NGÔI SAO đứng giải nhì, tôi nói: Có vớt vát lắm thì cũng chỉ nên đề nó đứng giải ba... Tôi chỉ ra những câu bị hiềm không thể hiểu nghĩa được... tôi chỉ ra những câu tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay kém thơ Xuân Diệu ngày trước.»



5

XUÂN DIỆU trên đất bắc

LOẠT BÀI THEO CHÂN
NHÀ VĂN NHÀ THƠ
TIỀN CHIẾN CỦA KIM NHẬT

Cho nên có lẽ vì mối hiềm khích văn nghệ đó, cụ Phan dùng chiến thuật khích tướng rủ Xuân Diệu vào nhóm NHÂN VĂN, Xuân Diệu không nhận lời.

Và, năm 1958, khi nhóm NHÂN VĂN bị Đảng thanh trừng rồi cụ Phan tạ thế sau khi Xuân Diệu bị kiểm thảo, nhân cơ hội lập công chuộc tội với Đảng, Xuân Diệu đã không tiếc lời «đào mồ cuộc mẫu» cụ Phan trên báo Văn Nghệ.

Ở trường hợp này, nếu như Nguyễn công Hoan đã vì miếng dính chung lớn tiếng chỉ cụ Phan một cách du côn, vô giáo dục đối với người đáng tuổi cha mình, để sau này Hoan lãnh đủ cái «quả báo nhân tiền», thì với Xuân Diệu, Xuân Diệu cũng «lá mặt, lá trái» chỉ cụ Phan thậm tệ đề tỏ mình «hối hận», một lòng trung thành với Đảng, cho phù hợp với «chủ nghĩa đón gió», tráo trở lâu nay.

Nhưng, nếu Nguyễn công Hoan du côn, vô giáo dục, ít ra Hoan cũng không làm màu mè, Hoan chỉ ngay cụ Phan lúc còn sống, còn Xuân Diệu phải đợi đến lúc cụ Phan chết rồi, mới dám giở giọng cu ly. Bấy nhiêu đó, ta cũng đủ hiểu tâm địa của Xuân Diệu thế nào.

Tiếp theo đó, «nuơng đà phần khởi» do Huy Cận và Đảng khuyến khích, cũng trên báo Văn Nghệ số tháng 7-1958, viết luôn một bài, nhan đề: «TU TƯỚNG NGHỆ THUẬT CỦA VĂN CAO». Bài rất dài. Đại để, bôi móc đời tư và cá tính của Văn Cao từ trước đến nay, tố khổ như tố

khổ «địa chủ phản động». Xuân Diệu kết luận:

«Tóm lại, Văn Cao, con người phản phúc hai mặt, giả dối như con mèo; là một tên phũ thủy toan dùng âm binh để chọi nhau với Đảng...»

Ai ai cũng biết Văn Cao là một nhạc sĩ gạo cội, nổi tiếng như cồn, tác giả bài «Tiến Quân Ca» tức quốc thiều chào cờ của Miền Bắc. Văn Cao đã đem tim óc, góp công vào cuộc kháng chiến chống Pháp không phải nhỏ. Văn Cao bị «Ông bạn Xuân Diệu» đầu tố vì Văn Cao dám gia nhập nhóm NHÂN VĂN chống Đảng.

«Đầu» Văn Cao xong, Xuân Diệu được Đảng khen, thế là hằng tiết «thừa thắng xông lên» viết tiếp trên Văn Nghệ một bài nữa chỉ Yển Lan, tác giả «BẾN MỸ LĂNG», chữ thật nhục nhã, đều cang, thậm tệ hơn chữ Văn Cao thập bội. Lý do, vì Yển Lan cũng nằm trong nhóm NHÂN VĂN.

Bạn bè Xuân Diệu thực không ai còn hiểu Xuân Diệu ra làm sao và lần này thì hết sạch, không ai còn dám chời bởi, gần gũi gì đến thẳng cha ái nam ái nữ tráo trở, phản thù, đón

Xuân Diệu cũng «vét việc», cà vạt, giày da vàng hân hoi đứng trong nhóm báo chí, nhà văn.

Lần đến, Chu Ân Lai được tiếp đón niềm nở, long trọng thế nào thì lúc về cũng long trọng thế ấy. Tuy chỉ đứng xa xa, không được nói, hỏi câu nào với người anh cả, chỉ ngước mắt, không cò cò trông theo họ Chu leo lên phi cơ về Bắc Kinh, Xuân Diệu «cầm động» khôn cùng. Sau đó, về nhà Xuân Diệu làm ngay bài thơ «GIỌT NƯỚC MẮT TA» cho đăng lên báo «Nhân dân» của Đảng để nói về tình hữu nghị Việt Trung.

Bài thơ này, năm 1960 còn được Đảng chọn đăng vào tuyển tập thơ «MƯỜI Lăm NĂM THƠ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1945-1960)». Ta hãy nghe:

Tiền đồng chí Chu Ân Lai lên
mây bay

Sóng mũi cay cay như ăn rau cải
Nước mắt tự nhiên cứ rơi
xuống mũi

Trời đất ơi! Cầm động đến thế là cùng. Thương nhau như thế đó. Chả gặp mặt lần nào, cũng chẳng phải ông bà ông vải hay thân thích gì, vậy mà Chu Ân Lai lên mây bay về nước làm Xuân Diệu buồn quá, thương quá chẳng khác cha mình chết, tiền đưa linh cửu ra nghĩa địa; đến nỗi sóng mũi cay cay như ăn cải... có ngồng ardi khóc như mưa bắc». Thật là khôi hài và trơ trẽn, lão thiên lão địa không sao nghĩ được. Thế mà, Đảng hoan hô, khen Xuân Diệu là hiện thực và đầy Đảng tính.

Dường cũng biết mình trơ trẽn và lộ bịch, Xuân Diệu chống chế bằng cách kết luận bài thơ:

«Giọt nước mắt ta chan chứa
tình người».

Nếu đã có tình người thì đã không trở thành Cộng Sản? Đầu tổ, giết người Việt Nam còn không chút xót thương, huống gì cái tình nhân loại bá lá? Ai tin được nào?

Thế là từ đó, trên phương diện sáng tác và nghệ thuật, «CÁI MÁY LÀM THƠ» mang tên Xuân Diệu toàn làm thơ tuyên truyền và ca ngợi «Bác, Đảng», ca ngợi lãnh tụ. Trên tất cả các báo của Đảng, của nhà nước, nơi nào Xuân Diệu cũng có mặt, cũng giữ được một chỗ để đăng thơ. Ngoài cái lương văn nghệ sĩ hàng tháng, tiền nhuận bút do các báo trả cho cũng khá hậu hĩ.

Nhờ vậy, khả năng làm ra tiền của Xuân Diệu, so với văn nghệ sĩ miền Bắc, thuộc loại số 1, giàu nhất. Nhưng, Xuân Diệu dường chưa hài lòng. Có lẽ anh chàng nghĩ rằng, mình đã dẹp bỏ nghệ thuật và tên tuổi để phục vụ Đảng, để đổi miếng dính chung, chịu nhục để được hưởng thụ, thì như thế hãy còn ít. Sự đánh đổi đó hãy chưa xứng đáng. Xuân Diệu nghĩ đến chuyện phải kiếm thêm, phải hưởng thụ cho thật nhiều như các lãnh tụ mới bù lại được.

Xuân Diệu vốn ma lanh, hiểu quá rõ tâm lý của cán bộ chiến sĩ miền Bắc, nhất là các địa phương, ai cũng muốn được tăng công, được Đảng chú ý, Đảng khen. Mà, cách tốt nhất, hách nhất, được cả nước

xem tiếp trang 15

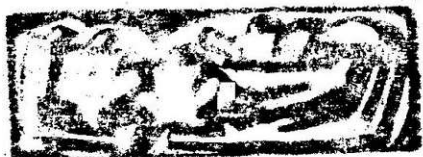
«TÔI NHÌN TÔI TRÊN VÁCH» CỦA TÚY HỒNG

LÀM sao viết một cuốn tiểu thuyết? Viết, có lẽ viết không là điều quan trọng lắm, ngày xưa. Ngày xưa, tiểu thuyết là một hình thức văn nghệ rất buông thả, rất hứa hẹn cho những tâm hồn chuộng tự do phóng khoáng, nó chỉ là công việc kể chuyện. Và người ta đã kể chuyện rí rả, qua những ngày dài, những đêm thao canh, người ta kể không biết mệt, lời nói nổi tiếng, chữ chữ nổi hàng. Những lời kể mãi miết vẫn đuổi theo những đêm miệt mài của trí tưởng người nghe hay người đọc. Từ những thần tiên cao đẹp tuyệt vời làm mẫu, rồi qua thời những anh hùng hào hiệp làm khuôn và gần đây, chỉ vài thế kỷ nay thôi — khởi từ Tây Phương — mới có những thường nhân trở thành đề tài tiểu thuyết, mà vẫn dựa vào những mô thức anh hùng xuất chúng, những kiểu cách cao sang tốt vời. Dù sao, từ thế kỷ mười chín qua, giữa xã hội Tây Phương vào thời kỳ kỹ nghệ cực thịnh, khi mà đám đông không còn bị khinh miệt bừa bãi nữa, khi mà sức mạnh tập thể làm nên những biến chuyển lịch sử lớn lao, người ta mới bắt đầu thấy các nhà văn viết những cuốn tiểu thuyết cho một đại chúng không hạn hẹp và nhất là lấy những khuôn mặt nhỏ ra từ đám đông làm vai trò chính, lấy những hạnh phúc và khổ đau tầm thường của họ làm đề tài. Balzac và Stendhal mở ra cùng một viễn tượng cho văn chương tiểu thuyết sau họ bằng sự mô tả giai cấp trưởng giả trung lưu đặc thời đạt thế. Tiểu thuyết cho đại chúng được hưởng vào sự mô tả những khuôn mặt đại chúng. Những mẫu người đã dần biến mất và càng ngày những tính chất nặc danh, vô nghĩa, càng xuất hiện nhiều. Xã hội càng ngày càng phát triển, phức tạp, thì đám đông càng ngày càng ồn ào, lẫn lộn, nên những cá nhân kỳ dị, lẻ loi trở thành những khuôn mặt tối tăm, lẫn lút và cá tính độc đáo, tâm sự bí ẩn của họ không được khai thác đề cao nữa. Người ta không còn ưa kể những chuyện lạ lùng đặc biệt, những thứ đó trở thành đối tượng của những truyện kiếm hiệp hay truyện trinh thám... Còn tiểu thuyết, ngành văn chương này càng ngày bám vào đám đông nhốn nháo, như lấy cuộc sống xô động ồn ào, rối rúng, say sưa, ngày ngất và mô tả chúng một cách thật nồng nàn tha thiết, thật tỉ mỉ chỉ li. Các tiểu thuyết gia không kể một chuyện kỳ bí nào đó nữa, bây giờ, họ kể mọi chuyện, dù thứ chuyện, bất kỳ chuyện gì kể được, kể nói ra được. Làm sao viết một cuốn tiểu thuyết? Câu hỏi ban đầu này bây giờ có thể được trả lời tương đối dễ dàng rồi: kể về những gì thấy có thể kể ra, một cách đúng đắn kỳ giả tạo khuôn thước như thời xưa và làm thế nào để có thể tìm lại cái lối tự nhiên nhất, dễ dãi nhất mà cũng tinh tế nhất của thời văn chương truyền khẩu, tự do thoải mái, mọi chi tiết đều cần thiết và đều mang lại cái duyên cho truyện kể. Kể chuyện hay viết truyện, bây giờ, giữa một cuộc sống mờ toang, một xã hội đang trải rộng. Viết gì? Một cuốn tiểu thuyết về hạnh phúc, chẳng hạn? Hạnh phúc của ai của người ta, của mình? Hãy soi mặt mình trong gương nhìn bóng mình trên vách, thấy mình là thế: người ta, thấy xã hội, bởi mình cũng chỉ là một khuôn mặt trong vô vàn khuôn mặt của xã hội này, mình là một kẻ nhỏ ra từ một đám đông... Tiểu thuyết, viết để kể chuyện, truyện kể trở thành một tác phẩm tự thuật, điều đó không là một nỗi chi đáng nghĩ nhiều, đáng ngại lắm nữa. Điều duy nhất thực sự quan trọng là hãy diễn tả tình yêu này, phở bày hạnh phúc kia, trong đó có mình và có những kẻ khác là điều dĩ nhiên — giữa

cái xã hội chen chúc hỗn độn bây giờ, ở đây. Có thể vẫn thấy mình nhiều lúc đơn độc trong đám đông, nhưng cũng dễ thấy mình vẫn ở trong đó.

Làm sao viết một cuốn tiểu thuyết? Túy Hồng đã viết, bà đã viết, viết và viết, rí rả, mỗi ngày, về tình yêu ngày qua ngày, về hạnh phúc ngày qua ngày, với những câu chuyện vẫn xảy ra hàng ngày, những chuyện của bà (có lẽ thế?), những chuyện xung quanh bà, những chuyện của mọi người dưới mắt bà và những chuyện của bà dưới mắt mọi người những chuyện tầm thường mà cũng là những chuyện thích thú được kể ra, nhắc tới, viết lên mặt báo, in thành sách, để xuất hiện trước mắt chúng ta cuốn truyện với cái nhan đề như một lời tâm sự: «Tôi nhìn tôi trên vách». Túy Hồng nhìn Túy Hồng trên vách, hay Khanh nhìn Khanh trên vách, Khanh — nhân vật nữ vai chính trong tác phẩm — xưng «tôi» suốt dọc theo cuốn truyện. Tác giả và Khanh đều là người Huế lấy chồng người Bắc và sống ở Saigon... Nhưng cần gì cứ phải truy nguyên như thế... «Tôi» là kẻ khác, cũng như tác giả đã từng nói về thời gian bà viết tập truyện đầu tay: «Lớn vồn tôi thấy tôi, lớn vồn tôi thấy người khác». Và như thế, nhân vật càng tích tụ nơi mình nhiều cái «tôi» khác nhau hòa lẫn, lại càng có đời sống tiểu thuyết

NGUYỄN NHẬT DUẬT



phong phú chứ sao! Madame Bovary nào phải là đàn ông như Flaubert, nhưng ông này vẫn xác nhận trong một ý thức sâu xa về phụ hệ văn chương: «Madame Bovary, c'est moi!» Huống chi Túy Hồng với nữ nhân vật Khanh trong «Tôi nhìn tôi trên vách»!

Cái xã hội rộng lớn vây quanh Khanh là một xã hội có đầy đủ những nét điển hình của thời trang Việt Nam 1969-1970. Xã hội với một bọn giàu sang đang xia xối trên cái nghèo của Khanh, xã hội đó có cô bạn góa Bích Khuê «vui tươi với công việc buôn hột xoàn» (trang 87); với những người bạn triệu phú, tỉ phú, của Khuê: bà Yến, bà Phụng, bà Thu, bà Hạnh, v.v... Xã hội với những sinh viên phản chiến như Ninh từ Huế vào Saigon, những sinh viên híp pi râu tóc xoàm xoàm như Phi «quái dị mọi rợ» (trang 294). Xã hội với những tờ ẩm thăm lên trên cao ốc như đại úy Sáng và Thu Hân (trang 52), giữa một khung cảnh «chuyện ái ân là chuyện thời sự hàng ngày, và ái tình lắm khi là tiếng nổ lớn của đánh ghen, của giành giật» (trang 45). Xã hội tang tóc, đau thương với những vụ đào xác dưới hầm chôn tập thể ở Huế, «một tấm áo linh mục, hai đầu tóc đàn bà, những chiếc đầu lâu toàn răng với răng...» (trang 152). Một xã hội hỗn loạn, nhốn nháo, tàn ác, bất nhân: Ninh và Phi đánh Khanh như từ cho hả giận vì không chinh phục được nàng; Bích Khuê thì bài bạc, hút xách; Phụng thì kiêu căng phách lối, vu cáo Khanh ăn cắp nhẫn hột xoàn; Sáng bị vợ bắt được

quả tang ngoại tình và Thu Hân bị đánh gục, bị lột hết quần áo... Cái xã hội mờ ảo ra đó, từ những kẻ ăn chơi giàu sang, đến những sinh viên híp pi, phản chiến..., dần dần ung thối, dần dần rữa nát. Nhưng đâu cũng chỉ là những nét vẽ phác, dù là những nét vẽ đậm đà, mạnh bạo, phơi bày những cảnh tượng gay gắt khó quên.

Trở về với cái xã hội thu hẹp, riêng biệt, thân mật, cái xã hội nhỏ bé và thực sự của Khanh, là gia đình nàng: cha mẹ, các chị em, chồng và con nàng, thêm vài người bạn, đó là tất cả yếu tố nhân sự dựng nên câu chuyện dân trải trên bốn trăm trang giấy in. Nhưng thật ra, xã hội này cần được nhìn thấy gần hơn nữa và thu hẹp hơn nữa, để sau cùng chỉ thấy hai người: Khanh và Nghiễm — chồng nàng — gái Huế và trai Bắc. Tất cả cuốn truyện là một chuỗi những chuyện vặt vãnh đáp — kể tiếp xoay quanh cặp vợ chồng Khanh — Nghiễm. Khanh sống ở Huế đến năm 28 tuổi mới vào Saigon và 30 tuổi mới lấy Nghiễm, lúc này Nghiễm đã 40 lần trải qua mùa xuân. Một cuộc hôn nhân muộn màng, cuốn lấy một tình yêu đậm đà giữa hai tâm hồn đã chín nẫu trong ngọn lửa đam mê nung luyện. Khanh là một người con gái Huế đặc biệt, già dặn khác thường, nhưng cũng chung với những người gái Huế khác một niềm hãnh diện và đôi chút mặc cảm về quê hương ruột thịt của mình: «Sở dĩ người ta bảo tiếng Huế mà chửi nghe cũng hay là vì ngày xưa hồi còn vua, vua nhà Nguyễn ở Huế, vua nói tiếng Huế bởi đó tiếng Huế được suy tôn (...) Ngày nay thì hết, vua đổ nhào, rồi vua bay qua Tây... Hết... tiếng Huế không còn là tiếng của vua nữa, hạ đại liền...» (trang 23), hoặc: «Thần kinh là kinh đô của thần linh» (trang 12). Khanh và cả gia đình nàng luôn luôn ca tụng phong tục của dân Huế, đặc tính quý phái, thanh lịch của Huế, vẻ đẹp buồn của Huế và những món ăn thơm ngon mà người Huế làm... Những lời đó đầy dẫy trong suốt cuốn sách... Bây giờ thì gia đình nàng sống ở Saigon, Khanh và mấy cô em gái của nàng cảm thấy thật thấm thía cái thân phận hiện tại của họ: «Chúng tôi là những người con gái Huế tầm thường sống ở giữa giữa Saigon, tầm thường đến phát khóc, tầm thường như những cây đề» (trang 26). Khanh nhớ đến Huế để nhớ đến cả một thời con gái của nàng, «cuộc đời con gái chưa như những đám mây» (trang 27). Và nàng đã nhìn nhận ngay một điều, điều này là điểm mấu chốt cho thấy tính tình Khanh sẽ va chạm ra sao với tính tình của chồng nàng: «Chị em tôi giống nhà ở chỗ liễu lĩnh, ở chỗ bốc đồng bướng bỉnh» (trang 40). Sự nhìn nhận này được bổ túc bằng một câu nhận xét của bà cô họ của Khanh: «Gái Huế tướng hiền mà té ra không hiền. Hiền là hiền chung, hiền tổng quát đối với tất cả mọi người, nhưng riêng với chồng thì dữ, rất dữ» (trang 69). Có lẽ vì thế mà Khanh và các cô em nàng mỗi khi nói chuyện với Nghiễm thường hay so bì, kỳ kèo (trang 68, 128, 235, 255, v.v...) Đặc biệt là giọng những cô gái Huế khi đùa khi thật thường luôn luôn đánh đả chua ngoa, điều mà Khanh đã nhận khi nói với chồng bằng một lý do riêng: «Em ba mươi tuổi, anh mới lấy em làm vợ, em làm con gái lâu quá nên đòi em nó chua lì» (trang 48), chính câu nói này càng tăng thêm vẻ chua ngoa! Cái giọng chua ngoa, những lời mai mỉa, những câu hờn lầy... Hãy đọc một đoạn như rất nhiều đoạn đối thoại

[*] «Tôi nhìn tôi trên vách», truyện dài của Túy Hồng, Đông Nai xuất bản, 448 trang, đề giá 360 đồng.

khắc đây đây trong cuốn truyện : "Tôi ngồi
đuôi hai chân, nắm hai tay lại gõ gõ vào đầu gối :

— Tôi không cần biết anh yêu ai, cũng
không cần biết cái lý lịch của người anh yêu... Lúc
này, tôi rất đảm, rất mát, tôi không biết là hết,
đập phá, không biết làm gì cả.

«Nghĩem cầm tay tôi nâng lên cao :

— Chuyện xảy ra càng khiến anh thương em
vô cùng vô tận, anh thương em hơn bao giờ hết,
anh hiểu em quá rõ ràng.

«Lời nói tôi phản đối nhưng bàn tay vẫn
nằm ngoan :

— Bắt đầu từ ngày mai, anh có rộng quyền
để tiếp Bích Vân bất cứ lúc nào, tiếp ngày tiếp
đêm, tôi để cho cô à ăn đêm ở đây... ngày
mai tôi hết phiền ở đây, tôi không vào đây, tôi ở
nhà, tôi đi chơi, tôi đi chơi cho sướng xác
(trang 398).

Nhưng thực ra, cái tâm tính đó, trong những
lúc bình thường không ghen tương không hờn
giận, lại làm cho hạnh phúc đậm đà nồng mặn thêm.
Và hơn thế nữa, Khanh là một người đàn bà chịu
đựng : «Nghĩem cúi mặt, hai môi bặm chặt, cơn
giận đỏ hồng hai má, nóng rần hai vành
tai. Tôi đứng nguyền dài chàng quay trở
đi ra sau nhà bếp giặt tã cho con... Khi
chàng hầm mặt rần rần vành tai, ấy là lúc cơn giận
bốc lên một cao điểm nào đó, tôi phải im bật, tôi
phải lảng tránh, tôi phải dập tắt những đốm lửa tự
ái nhỏ (...) Cầm cái tã xéo nhúng vào nước, nổi
uất ức trời lên, nên xuống, tôi phải dẫn mình lấm
lấm và ngẫm nói lập đi lập lại : «Đẹp tự ái đi, đẹp
tự ái đi...» (trang 260). Từ khi cưới nhau được ít
lâu, ở cao ốc không chịu được những bức bối do
những người xung quanh tạo ra, hai vợ chồng nàng
phải đem nhau về ở nhờ nhà cha mẹ Khanh, và đó
là khởi điểm của tất cả những cảnh thăng trầm,
những rạn nứt và hàn gắn, trong cuộc sống của vợ
chồng nàng bên cạnh cha mẹ và bảy em gái tinh
nghịch ngổ ngáo của nàng Khanh đứng giữa, nghe
hết những lời trách móc của cha mẹ, những câu
trêu chọc hay gièm pha của các em và những tiếng
cần nhần gắt gỏng của chồng. Hãy nghe tâm sự của
Khanh : «Tôi từ nhỏ đến giờ chưa và không bao
giờ muốn là mắng em lần nào, những đứa em gái
sắc nhọn và nóng như loài ong thích châm thích
chích và dãi mồm lý sự. Tôi từ nhỏ đến giờ vẫn
tốt nhặn, vẫn tranh ăn với các em, vẫn đùn việc cho
các em. Tôi từ nhỏ không bao giờ nghĩ đến chuyện
sửa lưng lũ em mà cứ lo bị lũ em sửa lưng mình
thôi. Tôi từ nhỏ không bao giờ giận lũ em mà chỉ
lo lũ em giận mình thôi» (trang 221). Nàng chịu
đựng chồng hơn hết. Nghĩem chê bai lẽ thói người
Huế, không chịu ăn món ăn Huế, trách mắng lũ
em vợ, quát tháo vợ, hơi tí là bắt bẻ, hơi tí là tra
vấn, Khanh nghe hết và nhận hết, nàng chịu hết sau
khi cãi lại ít câu và thấy rằng cãi cũng không được.
Nàng phàn nàn với Nghĩem : «Anh à, tại sao chúng
mình luôn luôn cãi lộn, luôn luôn dẫn vật nhau,
ngày nào cũng có chuyện ăn thua nhỏ với nhau, và
mỗi tháng lại có một cuộc chiến lớn... Thế là sống
khó chứ đâu phải sống sướng...» (trang 189). Nhưng
phàn nàn để rồi : «Thôi, thôi... từ nay uống bia em
không phiền bụng nữa. Em thương anh, em có thể
chịu anh đủ mọi chuyện» (trang 191). Chấp nhận

Nghĩem có mặt bên gia đình nàng và trong đời nàng ở
vị trí ưu tiên, đó là chấp nhận KẾ KHÁC, là thỏa
hiệp hòa hài với người XA LẠ, là hân hoan đón tiếp
KẾ XÂM NHẬP, vì tình yêu và hôn nhân sau đó của
Nghĩem với Khanh đã nhất thiết đem lại sự xáo
trộn cho nếp sống của gia đình nàng, là bởi Nghĩem
hầu như hoàn toàn khác nàng (không hợp tuổi,
không hợp tính, Khanh bảo thế). Những thăng
trầm biến chuyển của hạnh phúc của Khanh không
phải chỉ vì Ninh và Phi lạm dụng tình bạn đi đến
chỗ sàm sỡ và rồi hành hung nàng, cũng không
phải chỉ vì cô nữ sĩ Bích Vân quyến rũ Nghĩem, mà
trước hết vì sự xung khắc sâu xa về tâm tính giữa
Nghĩem và Khanh, đến nỗi nàng có lúc phải thú
thật : «Tôi và Nghĩem ráp lại thành một cặp không
hạnh phúc, không đậm ấm» (trang 133). Nhưng sau
cùng, kinh qua tất cả những luồng sóng ngầm dữ
đội, vượt khỏi mọi bảo tố từ bên ngoài áp tới,
Nghĩem và Khanh vẫn tìm thấy hạnh phúc. Hạnh
phúc khởi từ sự ra đời của đứa con đầu lòng
được trông đợi được ước mơ cuồng nhiệt, hạnh
phúc thấm thiết thêm qua những cử chỉ vun vệt
và lời lẽ tâm thường nhưng chân thành và cảm
động vì biểu lộ một tình yêu bất chấp tất cả, tình
yêu chỗi dậy vươn lên khỏi mọi biển cố đim
ngập hai người. Tình yêu ngày qua
ngày và hạnh phúc ngày qua ngày cứ
nối tiếp nhau xen kẽ với những nghi hoặc, giận hờn
với những ghen tương, bức tức. Do đó toàn thể
cuốn truyện như muốn diễn tả và đã thực sự diễn
tả được những thăng trầm những năm tập sống của Khanh
(và của Nghĩem) : sống một tình yêu có trách nhiệm
giữa hai kẻ khao khát tự do phóng túng, sống nếp
sống gia đình giữa hai kẻ đã tiêu hoang hầu hết
tuổi thanh xuân, sống kinh nghiệm hòa đồng giữa
một trai Bắc đặc Bắc và một gái Huế thuần Huế.

KINH NGHIỆM VỀ KẾ KHÁC VÀ VỀ CÁI
KHÁC giúp hai nhân vật chính khám phá ra kinh
nghiệm phức tạp về hạnh phúc, để họ thấy rõ họ
đang tập sống hạnh phúc của họ với tất cả khía cạnh
của nó trong cuộc xô đẩy dữ dội bởi những biến
cố thường nhật. Vận chuyển của tác phẩm chính
của hạnh phúc tuần tự là vận chuyển
trải qua các biến cố đó, tuần tự tiến theo giong trời
chảy của cuộc sống, mà vẫn đầy ắp những bất ngờ
thích thú. Những trạng huống khốc liệt, những
cảnh tượng gay cấn, những đối thoại căng thẳng,
những gặp gỡ chất chứa..., tất cả đều được tạo nên
bằng những câu văn đầy màu sắc rực rỡ, đầy hình
ảnh tượng bừng, đầy cảm giác chua chát đắng cay,
với những xúc động xối xả ở ạt. Cuốn truyện trở
thành một bức tranh sống động, hừng hực lửa đam
mê và chan chứa tình yêu. Đam mê và tình yêu
hàng ngày được tác giả làm mới lại ;
những cảm giác và xúc động quen
thuộc được tác giả đẩy đến cực điểm gay cấn, tận
cùng căng thẳng. Điều đó chứng tỏ Túy Hồng càng
ngày càng làm chủ được ngòi bút, chỉ phối được đề
tài và riêng trong cuốn truyện này, nếu nói như
một nhân vật : «Lấy chồng là một sự học tập dài
suốt đời» (trang 215), thì có thể bảo : viết tiểu
thuyết là một sự học tập dài suốt đời. Sự mạnh
bạo của tác giả trong mọi diễn tả ở đây đều được
chuẩn bị, đều tinh luyện, không phải là lối mạnh
bạo liều lĩnh ẩu tri học đời dạn dĩ. Sự vững vàng
của Túy Hồng là ở chỗ đã phối hợp được cái dữ
đội và cái uyển chuyển. Hạnh phúc của sự diễn tả
đã đóng góp một phần rất quan trọng vào hạnh
phúc của câu chuyện được viết ra. Δ



thần thoại

tiếp theo trang 5

SỰ TÍCH BÀ NỮ OA

Xưa khi vũ trụ mới

bắt đầu khai tịch thì có

hai anh em bà Nữ Oa ngự khoảng núi Côn Lôn.
Trong thiên hạ chưa có dân chúng do đó hai người
phải ăn ở với như vợ chồng. Họ cũng tự lấy làm
xấu hổ về việc đó, nên bà Nữ Oa phải lấy cỏ kết
làm cái quạt để che mặt mỗi khi đi đâu. (Ngày nay
còn tục cô dâu về nhà chồng thường cũng cầm quạt
che mặt.)

Thấy trong thiên hạ chưa có người, bà Nữ Oa
bèn lấy đất hoàng thổ nặn nên người. Tuy nhiên vì
công việc làm bộn bề và mệt nhọc lắm, nên không
phải người nào cũng được nặn cần thận bằng loại
đất vàng, mà rất nhiều chỉ được nặn vội vàng bằng
đất đỏ trong đất bùn. Những kẻ giàu sang, ấy là
đã được bà Nữ Oa nặn bằng đất hoàng thổ; những
kẻ nghèo hèn, ấy là những kẻ chỉ được nặn sơ sài
bằng chất liệu rom rác.

Trời vào khoảng xa xưa đó được chống bằng
bốn cột trụ. Chẳng may những cột trụ đó bị hư
hỏng đi, trời sụp xuống, chín châu bị phân liệt.
Dân chúng lâm vào cảnh trời không che đất
không chở, nơi cao thì lửa cháy phừng
phừng chẳng ai rập tắt nổi, nơi thấp thì hồng
thủy lan tràn chẳng ai ngăn cản được.
Những loài mãnh thú bắt dân lành ăn thịt,
những loài ác điều dâm sát xuống tha di những
người già lão và con trẻ yếu đuối. Bà Nữ Oa bèn
đứng ra luyện đá ngũ sắc để vá trời xanh. Bà chặt
chân một loài giải lớn ở biển để chữa bốn trụ chống
trời. Bà lại giết được con rồng đen cực lớn để cứu
châu kỳ khỏi bị mưa lụt. Khi vá trời xong, bà lấy
tro than ở lò luyện đá ngũ sắc mà lấp mặt nước để
cứu dân khỏi nạn nước lụt. Vì thế mà trời xanh
được vá lại, bốn trụ được sửa lại, nước lụt lớn
được chặn lại, an bình được châu kỳ, diệt trừ được
các loài ác điều trên không, mãnh thú dưới đất,
giào long dưới nước, và dân lành lại tiếp tục
sống được.

TRUYỆN HAI CHA CON

ÔNG CỒN ÔNG VŨ TRỊ THỦY

Thuở đó nước lớn tràn lan, nhiều nơi nước
cao tới ba trảm nhận và có tới chín cái vực sâu.
(Mỗi nhận chừng 6 thước, 4 tấc, 8 phân bảy giờ.)

Hynos PHOSPHATE
BẢO VỆ RĂNG NGÀ

TÌM ĐỌC CUỐN SÁCH ĐỌC ĐÁO VÀ BỀ THỂ CỦA TẠ TÝ :

MƯỜI KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ

(TIỀN CHIẾN và HÔM NAY)

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC — GIÁ PHỔ THÔNG : 300 ĐỒNG

trung hoa

Ông Côn bèn ăn trộm đất tức hoại của trời đem trảm vào chỗ mặt nước tuôn tràn. Đất tức hoại có đặc tính nở lớn ra đến vô tận, trảm vào đâu thì bị kín được mãi. Tuy nhiên ông Côn làm mà không đợi mệnh trời nên Trời mới tức giận sai Chử Dong giết ông Côn ở núi Vũ Giao. Thế là việc trị Thủy của ông Côn vẫn chưa thành.

Thị thê của ông Côn quảng đó rỗng rã ba năm liền mà không thối rữa. Người ta lấy gương rạch bụng ông Côn thì thấy con ông là Vũ từ đó chui ra. Lập tức ông Côn hóa thành con rùa vàng ba chân nhảy xuống vực biển mất.

Ông Vũ thụ mệnh của Trời, hoàn tất được việc trị thủy, vạch đất thành sông, phân chia ra làm chín châu. Ông Vũ dùng đất tức hoại lấp những mạch nước thực sâu. Con số được ghi rõ là 233.559 mạch nước. Ông Vũ còn dùng đất tức hoại đắp thành những dãy núi chính. Núi cao không bị ngập nước, sức nâng của núi đâm xuống giúp cho mặt đất chắc dần. Ông Vũ được con rồng Phi Long phụ lực, nó dùng đuôi rạch sâu lòng sông để nước cứ việc theo đó mà chảy ra biển. Công việc nặng nhọc nhất, phải kể đến việc dẫn nước sông Hoàng Hà ra biển. Thần Cự Linh đã giúp ông Vũ xẻ núi thành những đường hầm xuyên sơn cho nước sông chảy qua mà thẳng đường sớm tới biển, khỏi quanh co thành muôn nghìn khúc vô ích. Có lần thần Cự Linh khom người dùng sức, chân tựa phía bên này, hai tay đẩy mạnh phía bên kia, trái núi nứt làm đôi thành đường thông nước cho dòng sông. Cửa Long Môn là một trong những công trình trị thủy của vua Vũ.

Tương truyền suốt thời gian trị thủy của ông Côn trước cũng như của ông Vũ về sau, Cộng Công, một hung thần, luôn luôn tìm cách phá hoại bằng cách làm gió dâng sóng lớn lên, đẩy nước tràn mạnh, đi tới đâu tàn phá cây cỏ hoa màu đến đó.

Ông Vũ biết Cộng Công là một quái vật mình rắn có vảy và có chín đầu, cần phải giết đi thì cuộc trị thủy mới có cơ thành công. Ông đã đem hết cả tâm lực, mưu trí để thực hiện điều đó và khi ông giết được Cộng Công, máu nó tanh hôi vô cùng, chảy đến đâu đất khô cứng đến đó, cây cỏ không mọc lên được.

Một truyền thuyết khác về Cộng Công cho rằng vì Cộng Công tranh nhau ngôi vua với Chuyên Húc, đôi bên xung đột nhau làm rung chuyển núi Bất Chu, gây cả cật thiên tru, trời nghiêng về phía Tây Bắc, vì vậy mặt trời, mặt trăng cùng các tinh tú mới xuất lộ tại những ngôi vị như chúng ta thấy ngày nay; đất phía Đông Nam không đầy, nên hàng trăm con sông đổ xô về đấy.

Trở lại truyền ông Vũ trị thủy, thường biến hình thành con gấu. Ông giao hẹn với vợ là Đờ Sơn Thị (khi đó đương có mang) rằng chỉ khi nào nghe tiếng trống hãy đem thức ăn đến cho ông. Hôm đó ông đương biến thành gấu làm việc hăng, trong khi chạy nơi này nhảy nơi nọ, nhưng tăng đá va vào nhau âm vang như trống, Đờ Sơn Thị tưởng đó là hiệu lệnh của chồng bèn mang thức ăn tới thì chỉ thấy một con gấu lớn, sợ quá vội bỏ chạy. Ông Vũ đuổi theo để phân trần. Đờ Sơn Thị chạy lên núi Trung Sơn hóa thành phiến đá. Hàng ngày ông Vũ tới gần phiến đá nói lớn: "nàng hãy trả ta đứa con!". Tới một ngày kia, bề mặt hướng về phương Bắc phiến đá nứt làm đôi, và Khải, con ông Vũ, được sinh ra.

KHẢO PHÚ CHẠY ĐUA VỚI MẶT TRỜI

Người Không Lỗ Khảo Phú là con của Cộng Công. Một hôm Khảo Phú quyết định chạy đua với mặt trời. Khảo Phú không những bắt kịp mặt trời mà còn chạy nhanh hơn xuyên sâu vào lòng mặt trời. Vì ở đây nóng quá nên khi trở về Khảo Phú khát tới mức đã uống hết nước sông Hà và sông Vị mà vẫn chưa đã. Khảo Phú bèn chạy lên phương Bắc dự định uống nốt nước ở đầm Dạ Trạch nữa, nhưng mới được nửa đường thì ngã gục xuống chết; chiếc gậy trúc quăng ra, sau này mọc thành một rừng đào.



T RÊN đây chúng tôi sưu tầm một số thần thoại đặc biệt của Trung Hoa trong các "ngọc thư" đời Nho gia như: Sơn Hải Kinh, Liệt tử, Hoài Nam Tử, Độc Dị Chí, Thông Giám Ngoại Ký. Những tên vua Vũ, ông Côn, bà Tây Vương Mẫu... đều là những tên rất quen thuộc với ta qua Tứ Thư, Ngũ Kinh, nhưng bộ mặt của các nhân vật đó trong các huyền thoại trên thật khác lạ hẳn với những nét tượng trưng nên thơ đặc biệt của trí tưởng tượng thần thoại. Chỉ biết truyền cha con ông Vũ trị thủy trong kinh thư mà không biết huyền thoại ông Vũ hóa thành gấu, vợ ông Vũ hóa thành đá, con ông Vũ chui từ phiến đá ra, há chẳng là điều thiệt thòi sao?

xuân diệu

tiếp theo trang 12



biết tiếng không gì bằng được báo Đảng, báo nhà nước để ý tới.

Xuân Diệu liền vạch ra cho mình một đường hướng sản xuất thơ. Một loại nhảm ca ngợi chung cho cả chế độ, phục vụ chính sách từng thời kỳ cho nhà nước. Một loại nhảm đề cao công tác của từng ngành công tác, từng địa phương trên khắp miền Bắc. Tất nhiên, việc đề cao công tác của các địa phương là việc làm vừa hợp với Đảng vừa "đặt điều kiện", đánh đổi với cán bộ địa phương. Thực là một "kỹ nghệ làm thơ", phát tài mà chưa văn nghệ sĩ nào nghĩ tới.

Với loại sáng tác nhằm ca ngợi chung chế độ, phục vụ chính sách Đảng đề ra, động viên nhân dân thi hành chính sách, Xuân Diệu cho xuất hiện đều đều trên các báo Nhân dân, Văn Nghệ, Văn Học v.v..., những bài thơ, lại loại:

MẸ CON

Mẹ ở quê ra thăm con
Trong nhà thương chữa mắt
Ghế đá bên chòm hoa
Hai mẹ con ngồi mát

Mẹ chiếc khăn mỏ quạ
Đa sạm nắng ruộng đồng
Trông mẹ đen đui má
Nhưng cười vui tiếng trong

Mẹ tuổi học bốn mươi
Trông người già trước tuổi
Mang cho con trong làn
Mặt gói xôi với chuối

Con tuổi độ mười lăm
Cổ còn quảng khảnh đỏ
Khướu mặt hầy bầu bí
Lông măng như bụi phấn

Ngày đi học một buổi
Chiều thối chuối bằm bèo
Nó học lớp bảy đây
— Mặt đỏ nhiều chưa con?

1963
(Trích báo "Nhân dân"
trang chủ nhật)

Đó là ca ngợi tiến bộ nền y học
Xã hội chủ nghĩa.

Đề cao nghị MTDTGPMN, Xuân Diệu viết:

"Em bé gái trên đường Võ thị Sáu
Đang tung tăng bồng hát bài Giải
Phóng Miền Nam

Thật ngây thơ, giọng non nớt
khàn khàn

(Trích báo Nhân Dân)

Đọc cuốn "Trên tuyến đầu Tổ quốc" Xuân Diệu sao y những luận điệu phản tuyên truyền, chữ "Mỹ" Nguyễn ở miền Nam:

— Chặt đầu mủ bụng

Lấy mặt moi gan quân ác ôn chia
nhau uống rượu

Trên cuối cùng nhất định thắng lợi
về vang

"Bác" hồ hào cái Tết trồng cây
chờ mắt "thần" phố, Xuân Diệu liền
lập ngay bài thơ "Xoan ngọc lan",
kêu gọi mọi người trồng xoan. Đảng
chủ trương khai hoang miền núi, Xuân
Diệu liền làm thơ động viên khai hoang
văn vắn và văn vắn. Thơ loại này
không biết bao nhiêu mà kể. Ngay
như cái chuyện, động viên nhân dân
học văn hóa, Xuân Diệu cũng làm
được bài thơ thật "lãng đim":

NHÂN BÈ CAO CHIA HAI

Trên một chòi canh vắng
Có một bà giáo già
Và một em gái nhỏ
Chăm chú theo bà trở.

Tôi ngang qua nghe nói:
— Nhân bè cao chia hai.
Bỗng dừng lại lắng tai:
— Nhân bè cao chia hai!

Nhân bè cao chia hai
Tôi hiểu rồi: toàn học
Nhân bè cao chia hai
Trên giấy mặt trời mọc!

Nhân bè cao chia hai,
Ánh nắng hòa đôi vai.
(Trích báo Nhân dân)

Thực là thơ với thần!

Về loạt thơ "địa phương" trong
kỹ nghệ làm thơ của Xuân Diệu,
Xuân Diệu đặt cho mình một kế hoạch

chuẩn bị sẵn. Xuân Diệu nghiên cứu
những địa phương nào "giàu có", có
những món ăn địa phương đặc biệt,
thổ sản, thực phẩm lạ miệng là Xuân
Diệu viết thư xuống địa phương báo
trước là mình sẽ nhân danh báo Nhân
Dân, báo Văn Học v.v... xuống công
tác, phỏng vấn về công tác, kết quả
sản xuất của địa phương trong vài
ngày. Sau khi tham quan xong sẽ có
bài trên báo.

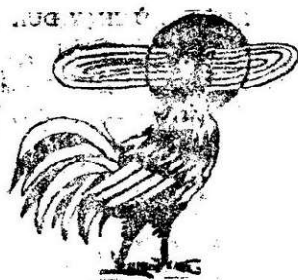
Vậy là cán bộ địa phương ngần
ngại lên, chạy đón chạy đón chuẩn bị
thật chu đáo chờ Xuân Diệu đến để
đãi đằng, phục dịch, đám mỗm Xuân
Diệu bằng quà để Xuân Diệu viết bài
khen trên báo Đảng. Nếu lời thơ,
Xuân Diệu chế trên báo thì cán bộ
địa phương có nước đi đường.

Cho nên, đối với Hội Nhà Văn
thì Xuân Diệu bảo mình "đi thực tế",
đi công tác để được lãnh tiền công
tác phí. Đó là một cái lợi. Cái lợi thứ
hai là được địa phương tiếp đón đãi
đằng, quà cáp đám mỗm, "ăn hối lộ"
no nê.

Cứ thế, hết địa phương này, đến
địa phương khác, Xuân Diệu cứ đi
công tác liên miên, quanh năm suốt tháng
ít khi có mặt ở Hà Nội. Bài về cứ
gửi về đảng báo đều đều. Trong lúc
mọi người đối, vất vả thì Xuân Diệu
cứ mập ra, phê phớn, sướng đều đều.
Khôn thật! Chẳng những vậy, Xuân
Diệu còn được Đảng khen là hòa mình
với nhân dân, siêng đi thực tế và
hết lòng phục vụ chế độ xã hội
chủ nghĩa.

còn tiếp





chuyện cảm đơn bà

HƠN NHỮNG LẦN TRƯỚC .

Một người say rượu loạng choạng bước vào một ổ điểm, lè nhè hỏi bà chủ kiếm một em có nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật cao.

Một lát sau một cô gái cao lớn lực lưỡng từ bên trong bước ra tươi cười nói:

— Anh cần một cô đặc biệt phải không. Anh theo em, em sẽ làm anh hài lòng. Gần em anh sẽ hưởng những thứ mà chưa bao giờ anh trải qua.

Người say gật gù bước qua ngưỡng cửa vào phòng, miệng lầm bầm:

— Còn bé này chắc vừa phải lao vừa giang mai lên óc thì mới

đám nói mạnh như vậy. Chứ mình thì trải pua hết tất cả các thứ bệnh hoa liễu thông thường rồi.

PHẦN THƯỜNG XÚNG ĐẮNG

Chúa nhật, một bác nông dân tới cha xứ:

— Thưa cha, hôm qua con đã tổng cổ một người đàn bà ra khỏi nhà về vụ ăn mặc hở han diêm dúa.

— Con hành động như thế là đúng thờ không có tội gì cả. Khi lên thiên đường con sẽ được ban thưởng.

Chủ nhật sau bác nông dân lại khoe:

— Thưa cha, tuần này con tổng cổ mu lần nữa vì mu đánh phẫn và sức quá nhiều nước hoa.

— Tốt lắm, con sẽ được ban thưởng khi gặp đức Chúa Cha.

Tới chủ nhật thứ ba, anh nông dân lại khoe thành tích:

— Thưa cha, lần này công của con thật đặc biệt. Ban đêm mu ta leo vào trong mùng của con, trên mình mu không có một mảnh che thân. Trông mu lúc đó thật khêu gợi, hấp dẫn, nước da trắng mịn và mát như thạch. Tuy vậy con vẫn cương quyết tổng cổ mu ra khỏi cửa.

— Lần này chắc chắn trăm phần trăm là sẽ con được một phần thưởng tương xứng với hành động.

Bác nông dân gãi tai:

— Thưa cha, có thể đoán được phần thưởng là gì không ạ?

— Lại còn hỏi nữa hả, đồ bô, phần thưởng xứng đáng là một bó cỏ khô.

CHẠY QUÁ TỐC ĐỘ

Trên một khúc xa lộ, tốc độ giới hạn là 60 cây số giờ cảnh sát công lộ huyết còi biên phạt một chiếc xe hơi cũ.

Mời ông về quận nộp 250 đồng tiền phạt vì chạy quá tốc độ ấn định. Xe ông chạy tới 80 cây số một giờ.

Người chủ xe không phản đối mà còn tươi cười nói với người bắt phạt mình:

— Vàng sáng mai tôi tới nộp phạt. Nhưng ông làm ơn ghi giùm trong giấy phạt là bắt quả tang tôi đang chạy với tốc độ 120 cây số một giờ.

— Ông ghi như vậy để làm gì?

— Dạ, vì tôi đang định bán cái xe khổ này cho một thằng bạn thân.

CHÊNH LỆCH TUỔI TÁC

Một ông già kể chuyện:

— Hồi tôi học ở trường tôi yêu cô giáo dạy tôi. Tôi muốn cưới cô làm vợ mà cô không bằng lòng.

— Vì lý do gì?

— Vì tuổi hai đứa quá chênh lệch nhau.

— Khi đó cụ bao nhiêu tuổi?

Ông già ngần ngừ rồi đáp:

VIỆT THU (PL).— Bị thể.

Đừng vội vã. Còn muốn nhận xét nữa, để nói sau. Tuy nhiên không nên làm thơ.

NG. QUANG MINH.— Chỉ còn giữ lại "bài cho ĐĐH" thôi.

NGUYỄN MAI.— Mới đọc xong. Cái truyện được lắm, đáng vào sổ tôi.

TRINH PHÚ VANG.— Gửi tiếp.

NHẮN TIN

THOẠI NGUYỄN. Có một lá thư của ông tên Trần Văn Dương ở Đà Lạt nhờ chuyển. Tới tòa soạn sau 11 giờ để nhận.

TRẦN HOÀI THU. Có ông Tr/u Hà Khôi nhờ KH nhân về; ông sợ anh bị thủ tiêu (nguyên văn trong thư)

CỦ NGUYỄN. (VT) Chúc chú rẽ hạnh phúc. Thân.

NG. KIM PHƯƠNG (QN) Nhận được thư chú? Gửi bài trang 2.

BẠN ĐỌC NHẮN TIN

HỒ NGẠC NGŨ (?) Đã thu xếp xong có thể vào. Cần liên lạc gấp — (Vx-339/49 Trương Minh Giảng Sài Gòn)



TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG HỒI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 358/ITT/BC NGÀY 26.3.69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút:
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG,
Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VẤN

Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÓ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LÂN • ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN H. THÔNG • DƯƠNG TRƯỞNG LA

VỀ NG. HỮU NHẬT • LƯU HUYỀN TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu để tên Chủ Nhiệm • Bài vở để tên Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ. mỗi số • Công số giá gấp đôi. Bài vở gửi cho Khởi Hạnh xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo đã có lời yêu cầu.

— Cô giáo dạy tôi khi đó mười chín tuổi còn tôi thì ba mươi bảy.

ĐANG ĐỌC

Nguyễn Cửu Thanh — Lê Thụy Hà — Võ Chân Cửu — Vương Hoài Uyên — Ng. Văn Viện Đặng Cẩm — Nguyễn Đỗ Thi — Nguyễn Sa Mạc — Trần Bách Thủy — (Thành Phố QH). Hoàng Đức Hòa — Thượng Thuật (Vòng quanh miệng chén) — Trần Tường Trình — (Trăng Trong Vườn Thiên Thu) Vương Doãn (Chí Bầy Le Le) — Hà Nghiêu Bích (I đoạn sách ước) Vương Phong Lan (Mưa) — Lê thị Tư — Võ phi Hùng — Lê Thụy Hà —

KHÔNG ĐĂNG

Hà thề Ch — Ng đức Nh — Phan đã B — Trần dạ L — Ng. Thu B — Võ Phi H (thơ) — Ng Hữu Hạ — Miêng Thượng Nh — Ng Dương G — Đỗ Tử L — Thoại Ng — Lê Phiên V — Đình v L — Hồ Hồng Q — Bùi Thường Đ — Phạm anh L — Ng. Luyến — Ngô Thanh T — Ng Mặc L — Hoàng Tr — (Những con đường hẹp) — Phan Hoài Th (Nhữn lời cho Bé) — Đoàn B — Phạm v H (Trên Phi cơ về PT) Ngọc V (Áo tường kiều hùng)

SẼ ĐĂNG

Trương Văn Dũng — Trịnh Phú Vang — Hoàng Ngọc Hiền — Nguyễn Mai —



HA THỀ CHÂU (Sg).— Cảm ơn ý kiến của bạn về tờ báo.

NG KHAI HOÀNG (Pleiku).— Lần đầu tiên viết cho KH, tuy là số 72 rồi, nhưng vẫn chưa muộn. Bạn có thể gửi tiếp.

TRẦN NGŨ VƯỢNG : (3348).— Ông nên gửi thêm ít bài nữa.

GIA DU (Sg) Vụ trùng tên đó là do lỗi ở người trả lời. Không hiểu sao lại liên tưởng trùng hợp nên viết sai (đã cải chính một số trước) Chỉ có một Gia Du đang nói chuyện đây mà thôi. Nên gửi thêm bài.

DOANH DOANH QUÁN (Huế) Sẽ đăng lời từ biệt số sau. Hơi tiếc cho quý vị.

LAM DUY BÙI NĂNG PHÁN. Bài của bạn viết về gái Bedeur vô hấp dẫn, song không biết dăng vào đâu. Lầu lầu nghe nói về gái Bedeur đây? Chuyện hoang đường quá.

HÃNG HÀ (BX).— Những nỗ lực của bạn rất đáng kể, song tiếc là chưa thể đăng được.

GIANG TỊCH NHIỆN (VT).— Vẫn đồng ý làm một số về những người làm thơ chết trẻ, nếu có anh em viết. Và có ít thơ của họ. Trong những người anh kể ra, chúng tôi lại không quen một ai (tuy có biết một vài): Trần như Liên Phụng — Nguyễn rho Sa Mạc — Hoài Lữ — Nguyễn Nho Nhượng — Hoài Song Thu — Lê Tiền Duyên — Phan Trước Viên — Phan Huy Mộng —, Việt Quốc Hùng... Nhân đây kể ra, bạn nào có ý kiến, mong cho chúng tôi biết.

TÔ ĐÌNH SỰ (CR).— Mấy cái hình vẽ có thể dùng được. Cái truyện sắp đọc đến. Bài thơ mới không thấy có gì lạ. Tô Khai Phá làm tốt lắm.

TRẦN YẾN HÒA (ĐL).— Tưởng ở Đà Lạt có KH đều chứ? Như anh nói thì báo hiếm lắm sao? Cảm ơn lá thư đề nhờ Trị Sự coi lại. Mới đây hình như có đăng bài anh, mà không phải truyện ngắn.

DƯƠNG LIÊU.— Bài đánh máy xit quá, đọc thật nhức mắt. Cảm ơn thư anh; anh vui lòng gửi cho bài khác.